

Số: 124/2017/PHS-BTKCT
V/v: *CBTT những nội dung của cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường ngày 30/10/2017* Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ CÁC SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội;
Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh**

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG (“PHS”)**

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, CR3-03A, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 5413 5479 Fax: (028) 5413 5472

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Chen Chia Ken

Loại công bố thông tin: 24h 72h Bất thường Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố:

Căn cứ quy định tại Điều 9.1.c, Điều 9.1.e Thông tư 155/2015/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, PHS trân trọng công bố những nội dung đã được thông qua trong cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông (“**ĐHĐCĐ**”) bất thường tổ chức ngày 30 tháng 10 năm 2017 như sau:

1. Biên bản họp ĐHĐCĐ số 02/2017/BB-ĐHĐCĐ ngày 30/10/2017;
2. Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/10/2017;
3. Điều lệ đã được sửa đổi;
4. Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ và phương án sử dụng vốn.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của PHS tại: <https://www.phs.vn>, mục Quan Hệ Cổ Đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Hồ sơ đính kèm:

- Biên bản họp ĐHĐCĐ số 02/2017/BB-ĐHĐCĐ ngày 30/10/2017;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02 /2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/10/2017;
- Điều lệ đã được sửa đổi;
- Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ và phương án sử dụng vốn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



Ông CHEN CHIA KEN

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

Số: 02/2017/BB-ĐHĐCĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2017

**BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

- Tên doanh nghiệp : Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)
- Địa chỉ : Tầng 3, CR3-03A, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Giấy phép thành lập và hoạt động : 122/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20/01/2016;
- Thời gian họp : Bắt đầu lúc 14h00 ngày 30/10/2017
Kết thúc lúc 15h00 ngày 30/10/2017
- Địa điểm họp : Tầng 5, CR3-05A, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chương trình và nội dung Đại hội : Theo Chương trình nghị sự Đại hội đồng cổ đông ngày 30 tháng 10 năm 2017 đã được thông báo đến cổ đông.
- Chủ tọa Đại hội : Ông Chen Chia Ken
- Ban thư ký Đại hội : Bà Nguyễn Thị Hồng Hoa – Trưởng ban
- Ban kiểm phiếu : Bà Hoàng Thị Mỹ Huyền – Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy – Thành viên
- Số đại biểu tham dự : Số lượng cổ đông và người được ủy quyền dự họp là 8 cổ đông, đại diện cho 29.019.731 cổ phần, chiếm tỷ lệ 90,69% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng, Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 30/10/2017 (“**Đại hội**”) đủ điều kiện để tiến hành.

I. THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI

1. Các cổ đông tiến hành đăng ký tham dự đại hội để nhận tài liệu của cuộc họp, thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết.
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Hoa đọc báo cáo việc kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
3. Bà Phan Thị Thanh Hải giới thiệu đại biểu tham dự Đại hội:
 - ◆ Chủ tọa đoàn:
 - Ông Chen Chia Ken – Tổng Giám Đốc, Chủ tọa Đại hội
 - Bà Kuo Chih Chia – Trưởng Ban Kiểm Soát
 - ◆ Ban thư ký Đại hội:
 - Bà Nguyễn Thị Hồng Hoa – Trưởng Ban thư ký đại hội
 - ◆ Ban kiểm phiếu:
 - Bà Hoàng Thị Mỹ Huyền – Trưởng Ban kiểm phiếu
 - Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy – Thành viên

Đại hội biểu quyết thông qua thành viên của Chủ tọa đoàn, Ban thư ký Ban kiểm phiếu với tỷ lệ tán thành: 100%

Chủ tọa, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu bắt đầu tiến hành Đại hội.

4. Chủ tọa công bố chương trình nghị sự của Đại hội.
5. Bà Phan Thị Thanh Hải đọc và hướng dẫn cách thức biểu quyết tại Đại hội.
6. Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017 biểu quyết thông qua chương trình nghị sự của Đại hội, hướng dẫn biểu quyết và cách thức biểu quyết của Đại hội. Tỷ lệ tán thành: 100%.

II. NỘI DUNG NGHỊ SỰ VÀ KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT THEO CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ

Nội dung 1. Thảo luận và biểu quyết thông qua mục đích của Kế hoạch phát hành cổ phiếu riêng lẻ

- 1.1 Bổ sung nguồn vốn lưu động cho các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;
- 1.2 Bổ sung nguồn vốn cho dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán;
- 1.3 Bổ sung nguồn vốn cho dịch vụ giao dịch ký quỹ;
- 1.4 Bổ sung nguồn vốn cho nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số cổ phần có quyền biểu quyết (cổ phần)	Đạt tỷ lệ
Đồng ý	29.019.731	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

Nội dung 2. Thảo luận và biểu quyết thông qua Phương án phát hành và chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ lên 500.000.000.000 đồng (năm trăm tỷ đồng)

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ và Phương án sử dụng vốn. Nội dung để thảo luận và biểu quyết thông qua như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phần Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 18.000.000 cổ phần
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá chào bán thấp nhất: 10.000/cổ phần
- Giá chào bán cao nhất: 10.000/cổ phần
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 180.000.000.000 đồng
- Phương thức phát hành: chào bán riêng lẻ
- Số lượng nhà đầu tư tham gia: đảm bảo dưới 100 nhà đầu tư theo quy định pháp luật
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
- Thời hạn phân phối dự kiến: trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước ("UBCKNN") chấp thuận cho PHS được chào bán riêng lẻ.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số cổ phần có quyền biểu quyết (cổ phần)	Đạt tỷ lệ
Đồng ý	29.019.731	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

Nội dung 3. Thảo luận và biểu quyết thông qua danh sách nhà đầu tư mua cổ phiếu của PHS trong đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ.

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua danh sách nhà đầu tư mua cổ phiếu của PHS trong đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ với nội dung chi tiết như sau:

3.1 NHÀ ĐẦU TƯ 1: PHU HUNG FAR EAST HOLDING CORPORATION

- Giấy chứng nhận thành lập: 1705717
- Địa chỉ: Portcullis Trustnet (BVI) Limited, Portcullis TrustNet Chambers P.O.Box 3444, Road Town, Tortola, British Virgin Islands
- Số lượng cổ phần sở hữu tại PHS hiện tại: 14.720.000 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu tại PHS hiện tại: 46,00%
- Số lượng cổ phần đăng ký mua: 8.280.000 cổ phần
- Giá mua: 10 (mười) nghìn đồng/cổ phần
- Tổng giá trị thực hiện mua cổ phần: 82.800.000.000 đồng
- Số lượng cổ phần sở hữu dự kiến sau khi mua: 23.000.000 cổ phần
- Tỷ lệ cổ phần dự kiến sở hữu sau khi mua cổ phần phát hành: 46,00%

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số cổ phần có quyền biểu quyết (cổ phần)	Đạt tỷ lệ
Đồng ý	14.299.250	99,9966%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	481	0,0034%

Xin lưu ý, căn cứ vào Điều 162.3 Luật Doanh nghiệp 2014, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết. Kết quả biểu quyết tại Nội dung 3.1 được tính dựa trên số lượng cổ phiếu của các cổ đông có quyền biểu quyết còn lại tham dự Đại hội.

3.2 NHÀ ĐẦU TƯ 2: CÔNG TY FRESHFIELDS CAPITAL CORPORATION

- Giấy chứng nhận thành lập: 80690793
- Địa chỉ: 18F, No.4, Sec 1, Chung Hsiao West Road, Taipei, Taiwan
- Số lượng cổ phần sở hữu tại PHS hiện tại: 0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu tại PHS hiện tại: 0%
- Số lượng đăng ký mua: 4.860.000 cổ phần
- Giá mua: 10 (mười) nghìn đồng/cổ phần
- Tổng giá trị mua: 48.600.000.000 đồng
- Số lượng cổ phần sở hữu dự kiến sau khi mua: 4.860.000 cổ phần
- Tỷ lệ cổ phần dự kiến sở hữu sau khi mua cổ phần phát hành: 9.72%

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số cổ phần có quyền biểu quyết (cổ phần)	Đạt tỷ lệ
Đồng ý	29.019.250	99,9983%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	481	0,0017%

3.3 NHÀ ĐẦU TƯ 3: CÔNG TY DONG BANG DEVELOPMENT LIMITED

- Giấy chứng nhận thành lập: 1904869
- Địa chỉ: Palm Grove House, P.O. Box 438, Road Town, Tortola, British Virgin Islands
- Số lượng cổ phần sở hữu tại PHS hiện tại: 0 cổ phần

- Tỷ lệ sở hữu tại PHS hiện tại: 0%
- Số lượng đăng ký mua: 4.860.000 cổ phần
- Giá mua: 10 (mười) nghìn đồng/cổ phần
- Tổng giá trị mua: 48.600.000.000 đồng
- Số lượng cổ phần sở hữu dự kiến sau khi mua: 4.860.000 cổ phần
- Tỷ lệ cổ phần dự kiến sở hữu sau khi mua cổ phần phát hành: 9.72%

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số cổ phần có quyền biểu quyết (cổ phần)	Đạt tỷ lệ
Đồng ý	29.019.250	99,9983%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	481	0,0017%

Nội dung 4. Thảo luận và biểu quyết thông qua toàn bộ hồ sơ phát hành riêng lẻ

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua toàn bộ hồ sơ phát hành riêng lẻ để trình nộp cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (“UBCKNN”)

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số cổ phần có quyền biểu quyết (cổ phần)	Đạt tỷ lệ
Đồng ý	29.019.731	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

Nội dung 5. Thảo luận và biểu quyết thông qua toàn bộ hồ sơ tăng vốn điều lệ

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua toàn bộ hồ sơ tăng vốn điều lệ nộp cho UBCKNN.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số cổ phần có quyền biểu quyết (cổ phần)	Đạt tỷ lệ
Đồng ý	29.019.731	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

Nội dung 6. Thảo luận và biểu quyết thông qua Điều lệ sửa đổi của PHS

Hội đồng quản trị trình Đại hội thông qua việc sửa đổi bổ sung Điều lệ của PHS để cập nhật số vốn điều lệ mới là 500.000.000.000 đồng.

Người đại diện theo pháp luật của PHS được quyền ký đủ số bản Điều lệ sửa đổi (01 bản tiếng Việt và 01 bản tiếng Anh) để nộp cho UBCKNN trong bộ hồ sơ tăng vốn điều lệ.

- C
 /
 TỶ
 HÂN
 <HC
 Ứ
 /
 HỒ

Người đại diện theo pháp luật của PHS sẽ ký chính thức vào Điều lệ sửa đổi sau khi nhận chấp thuận của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước về việc tăng vốn điều lệ và cấp giấy phép thành lập và hoạt động sửa đổi ghi nhận vốn điều lệ mới 500.000.000.000 đồng và Điều lệ được sửa đổi sẽ có hiệu lực từ ngày người đại diện theo pháp luật ký chính thức.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số cổ phần có quyền biểu quyết (cổ phần)	Đạt tỷ lệ
Đồng ý	29.019.250	99,9983%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	481	0,0017%

Nội dung 7. Thảo luận và biểu quyết thông qua việc ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị của PHS thực hiện các công việc trong đợt phát hành riêng lẻ và tăng vốn điều lệ.

Hội đồng quản trị trình Đại hội thông qua Tờ trình về việc ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị của PHS thực hiện các công việc trong đợt phát hành riêng lẻ và tăng vốn điều lệ với những nội dung như sau:

Trong phạm vi ủy quyền của Đại hội cho Hội Đồng Quản Trị thực hiện những công việc trong đợt tăng vốn điều lệ, Hội Đồng Quản Trị được quyền:

1. Thay đổi một số nội dung của Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ và mục đích sử dụng vốn trong các trường hợp mà quy định hiện hành và Điều lệ của PHS không yêu cầu phải có sự chấp thuận của Đại hội. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị phải thay đổi, bổ sung bất kỳ nội dung nào của Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ và mục đích sử dụng vốn, Hội Đồng Quản Trị phải báo cáo Cổ đông về các thay đổi này trong kỳ Đại hội gần nhất.
2. Tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ và mục đích sử dụng vốn gồm có chuẩn bị, sửa đổi, bổ sung và trình nộp các hồ sơ hợp lệ đến UBCKNN và các cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền khác để chấp thuận hồ sơ phát hành cổ phiếu riêng lẻ và hồ sơ tăng vốn điều lệ.
3. Lựa chọn nhà đầu tư mua cổ phiếu theo các tiêu chí nêu tại Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ đã được Đại hội thông qua và tuân thủ các quy định hiện hành.
4. Chuẩn bị và trình nộp các tài liệu bổ sung trong trường hợp UBCKNN và các cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền yêu cầu nộp thêm các tài liệu bổ sung liên quan đến hồ sơ phát hành cổ phiếu riêng lẻ và hồ sơ tăng vốn điều lệ.
5. Hoàn tất các thủ tục theo quy định của Bộ Tài Chính (“BTC”), UBCKNN và các quy định pháp luật hiện hành.
6. Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ đến BTC, UBCKNN để hoàn tất các thủ tục sau khi phát hành.

7. Thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ và sửa đổi giấy phép thành lập và hoạt động của PHS sau khi hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ.
8. Thực hiện sửa đổi Điều lệ và đệ trình người đại diện theo pháp luật của PHS ký kết trên Điều lệ chính thức ngay sau khi nhận được giấy phép thành lập và hoạt động sửa đổi từ UBCKNN.
9. Quyết định các công việc, thủ tục cần thiết để hoàn thành kế hoạch chào bán cổ phiếu riêng lẻ và tăng vốn điều lệ tuân thủ quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ của PHS.



Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số cổ phần có quyền biểu quyết (cổ phần)	Đạt tỷ lệ
Đồng ý	29.019.250	99,9983%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	481	0,0017%

III. THỦ TỤC BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Bà Nguyễn Thị Hồng Hoa đọc Biên bản Đại hội và Nghị quyết đại hội.

Biên bản Đại hội và Nghị quyết Đại hội được biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số cổ phần có quyền biểu quyết (cổ phần)	Đạt tỷ lệ
Đồng ý	29.019.731	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Bà NGUYỄN THỊ HỒNG HOA



Ông CHEN CHIA KEN

Tài liệu đính kèm:

1	Tờ trình Kế hoạch tăng vốn điều lệ bằng hình thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ năm 2017.
2	Phương án phát hành và chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ và Phương án sử dụng vốn sau khi phát hành riêng lẻ.
3	Danh sách nhà đầu tư mua cổ phiếu của PHS trong đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ.
4	Toàn bộ hồ sơ phát hành riêng lẻ để trình nộp cho UBCKNN
5	Toàn bộ hồ sơ tăng vốn điều lệ và sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động của PHS.
6	Dự thảo của Điều lệ sửa đổi và bảng so sánh giữa Điều lệ hiện hành và Điều lệ sửa đổi.



NGHỊ QUYẾT
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
- Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần Chứng khoán Phú Hưng;
- Biên bản họp Đại hội Cổ đông số 02/2017/BB-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng;
- Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông tại Đại hội.

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường của Công ty cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“**Đại hội**”) diễn ra lúc 14h00 ngày 30 tháng 10 năm 2017 tại lầu 5, CR3-05A, 109 Tôn Dật Tiên, phường Tân Phú, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh diễn ra hợp pháp, hợp lệ.

Thành phần tham dự:

- Các cổ đông sở hữu chứng khoán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“**PHS**”) theo danh sách được lập bởi phòng Quản lý sổ cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng chốt vào ngày 30 tháng 10 năm 2017.
- Số lượng cổ đông tham dự cuộc họp: 8 cổ đông và người được ủy quyền dự họp, đại diện cho 29.019.731 cổ phần, chiếm tỷ lệ 90,69% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

QUYẾT NGHỊ

Đại hội đồng Cổ đông bất thường của Công ty cổ phần Chứng khoán Phú Hưng nhất trí thông qua Nghị quyết của Đại hội với những nội dung chính như sau:

NGHỊ QUYẾT 1. THÔNG QUA MỤC ĐÍCH CỦA KẾ HOẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ

Mục đích của Kế hoạch phát hành cổ phiếu riêng lẻ nhằm:

- 1.1 Bổ sung nguồn vốn lưu động cho các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;
- 1.2 Bổ sung nguồn vốn cho dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán;
- 1.3 Bổ sung nguồn vốn cho dịch vụ giao dịch ký quỹ;
- 1.4 Bổ sung nguồn vốn cho nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Tỉ lệ tán thành: 100%

NGHỊ QUYẾT 2. THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH VÀ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ VÀ PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN ĐỂ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ LÊN 500.000.000.000 ĐỒNG (NĂM TRĂM TỶ ĐỒNG)

Đại hội nhất trí thông qua Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ lên 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng) với những nội dung như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phần Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 18.000.000 cổ phần
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá chào bán thấp nhất: 10.000/cổ phần
- Giá chào bán cao nhất: 10.000/cổ phần
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 180.000.000.000 đồng
- Phương thức phát hành: chào bán riêng lẻ
- Số lượng nhà đầu tư tham gia: đảm bảo dưới 100 nhà đầu tư theo quy định pháp luật
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
- Thời hạn phân phối dự kiến: trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (“UBCKNN”) chấp thuận cho PHS được chào bán riêng lẻ.

Tỉ lệ tán thành: 100%

NGHỊ QUYẾT 3. THÔNG QUA DANH SÁCH NHÀ ĐẦU TƯ MUA CỔ PHIẾU CỦA PHS TRONG ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ.

Đại hội đồng Cổ đông nhất trí thông qua danh sách nhà đầu tư mua cổ phiếu của PHS trong đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ (thể hiện trong tài liệu đính kèm) với nội dung chi tiết như sau:

3.1 NHÀ ĐẦU TƯ 1: PHU HUNG FAR EAST HOLDING CORPORATION

- Giấy phép thành lập: 1705717
- Địa chỉ: Portcullis Trustnet (BVI) Limited, Portcullis TrustNet Chambers P.O.Box 3444, Road Town, Tortola, British Virgin Islands
- Số lượng cổ phần sở hữu tại PHS hiện tại: 14.720.000 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu tại PHS hiện tại: 46,00%
- Số lượng cổ phần đăng ký mua: 8.280.000 cổ phần
- Giá mua: 10 (mười) nghìn đồng/cổ phần
- Tổng giá trị thực hiện mua cổ phần: 82.800.000.000 đồng
- Số lượng cổ phần sở hữu dự kiến sau khi mua: 23.000.000 cổ phần
- Tỷ lệ cổ phần dự kiến sở hữu sau khi mua cổ phần phát hành: 46,00%

Tỉ lệ tán thành: 99,9966%

Căn cứ Điều 162.3 Luật Doanh nghiệp 2014, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết. Kết quả biểu quyết trong Nghị Quyết 3.1 được tính dựa trên số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông còn lại tham dự Đại hội.

3.2 NHÀ ĐẦU TƯ 2: CÔNG TY FRESHFIELDS CAPITAL CORPORATION

- Giấy phép thành lập: 80690793
- Địa chỉ: 18F, No.4, Sec 1, Chung Hsiao West Road, Taipei, Taiwan
- Số lượng cổ phần sở hữu tại PHS hiện tại: 0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu tại PHS hiện tại: 0%
- Số lượng đăng ký mua: 4.860.000 cổ phần
- Giá mua: 10 (mười) nghìn đồng/cổ phần
- Tổng giá trị mua: 48.600.000 đồng
- Số lượng cổ phần sở hữu dự kiến sau khi mua: 4.860.000 cổ phần
- Tỷ lệ cổ phần dự kiến sở hữu sau khi mua cổ phần phát hành: 9.72%

Tỉ lệ tán thành: 99,9983%

3.3 NHÀ ĐẦU TƯ 3: CÔNG TY DONG BANG DEVELOPMENT LIMITED

- Giấy phép thành lập: 1904869
- Địa chỉ: Palm Grove House, P.O. Box 438, Road Town, Tortola, British Virgin Islands
- Số lượng cổ phần sở hữu tại PHS hiện tại: 0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu tại PHS hiện tại: 0%
- Số lượng đăng ký mua: 4.860.000 cổ phần
- Giá mua: 10 (mười) nghìn đồng/cổ phần
- Tổng giá trị mua: 48.600.000 đồng
- Số lượng cổ phần sở hữu dự kiến sau khi mua: 4.860.000 cổ phần
- Tỷ lệ cổ phần dự kiến sở hữu sau khi mua cổ phần phát hành: 9.72%

Tỉ lệ tán thành: 99,9983%

NGHỊ QUYẾT 4. THÔNG QUA TOÀN BỘ HỒ SƠ PHÁT HÀNH RIÊNG LẺ

Đại hội đồng Cổ đông nhất trí thông qua toàn bộ hồ sơ phát hành riêng lẻ (thể hiện trong tài liệu đính kèm) để trình nộp cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (“UBCKNN”).

Tỉ lệ tán thành: 100%

NGHỊ QUYẾT 5. THÔNG QUA TOÀN BỘ HỒ SƠ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Đại hội đồng Cổ đông nhất trí thông qua toàn bộ hồ sơ tăng vốn điều lệ nộp cho UBCKNN (thể hiện trong tài liệu đính kèm).

Tỉ lệ tán thành: 100%

NGHỊ QUYẾT 6. THÔNG QUA ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI CỦA PHS

Đại hội đồng Cổ đông nhất trí thông qua Điều lệ sửa đổi của PHS (thể hiện trong tài liệu đính kèm) với nội dung chi tiết như sau:

- 6.1 Người đại diện theo pháp luật của PHS được quyền ký đủ số bản Điều lệ sửa đổi (01 bản tiếng Việt và 01 bản tiếng Anh) để nộp cho UBCKNN trong bộ hồ sơ tăng vốn điều lệ.
- 6.2 Người đại diện theo pháp luật của PHS sẽ ký chính thức vào Điều lệ sửa đổi sau khi nhận chấp thuận của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước về việc tăng vốn điều lệ và cấp giấy phép thành lập và hoạt động sửa đổi ghi nhận vốn điều lệ mới 500.000.000.000 đồng và Điều lệ được sửa đổi sẽ có hiệu lực kể từ ngày người đại diện theo pháp luật ký chính thức.

Tỉ lệ tán thành: 99,9983%

NGHỊ QUYẾT 7. THÔNG QUA VIỆC ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA PHS THỰC HIỆN CÁC CÔNG VIỆC TRONG ĐỢT PHÁT HÀNH RIÊNG LẺ VÀ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ.

Đại hội đồng Cổ đông nhất trí thông qua việc ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị của PHS thực hiện các công việc trong đợt phát hành riêng lẻ và tăng vốn điều lệ với những nội dung như sau:

Trong nội dung ủy quyền của Đại hội cho Hội Đồng Quản Trị thực hiện những công việc trong đợt tăng vốn điều lệ, Hội Đồng Quản Trị được quyền:

1. Thay đổi một số nội dung của Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ và mục đích sử dụng vốn trong các trường hợp mà quy định hiện hành và Điều lệ của PHS không yêu cầu phải có sự chấp thuận của Đại hội. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị phải thay đổi, bổ sung bất kỳ nội dung nào của Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ và mục đích sử dụng vốn, Hội Đồng Quản Trị phải báo cáo Cổ đông về các thay đổi này trong kỳ Đại hội gần nhất.
2. Tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ và mục đích sử dụng vốn gồm có chuẩn bị, sửa đổi, bổ sung và trình nộp các hồ sơ hợp lệ đến UBCKNN và các cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền khác để chấp thuận hồ sơ phát hành cổ phiếu riêng lẻ và hồ sơ tăng vốn điều lệ.
3. Lựa chọn nhà đầu tư mua cổ phiếu theo các tiêu chí nêu tại Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ đã được Đại hội thông qua và tuân thủ các quy định hiện hành.
4. Chuẩn bị và trình nộp các tài liệu bổ sung trong trường hợp UBCKNN và các cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền yêu cầu nộp thêm các tài liệu bổ sung liên quan đến hồ sơ phát hành cổ phiếu riêng lẻ và hồ sơ tăng vốn điều lệ.
5. Hoàn tất các thủ tục theo quy định của Bộ Tài Chính (“BTC”), UBCKNN và các quy định pháp luật hiện hành.

6. Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ đến BTC, UBCKNN để hoàn tất các thủ tục sau khi phát hành.
7. Thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ và sửa đổi giấy phép thành lập và hoạt động của PHS sau khi hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ.
8. Thực hiện sửa đổi Điều lệ và đệ trình người đại diện theo pháp luật của PHS ký kết trên Điều lệ chính thức ngay sau khi nhận được giấy phép thành lập và hoạt động sửa đổi từ UBCKNN.
9. Quyết định các công việc, thủ tục cần thiết để hoàn thành kế hoạch chào bán cổ phiếu riêng lẻ và tăng vốn điều lệ tuân thủ quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ của PHS.

Tỉ lệ tán thành: 99,9983%

NGHỊ QUYẾT 8. ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN

- 8.1 Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 30 tháng 10 năm 2017.
- 8.2 Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Chứng khoán Phú Hưng chịu trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn công ty thi hành các điều khoản của Nghị quyết này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Ông CHEN CHIA KEN

Chưa có hiệu lực

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG
☆☆☆☆



ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, NGÀY 30 THÁNG 10 NĂM 2017

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
CĂN CỨ PHÁP LÝ.....	1
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	1
Điều 1: Định nghĩa.....	1
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC PHÁP LÝ, TRỤ SỞ, CƠ CẤU TỔ CHỨC.....	2
VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	2
Điều 2: Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, cơ cấu tổ chức và thời hạn hoạt động của Công ty.....	2
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH.....	3
VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	3
Điều 3: Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	3
Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	3
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	4
Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	4
Điều 6: Chứng chỉ cổ phiếu.....	5
Điều 7: Chứng chỉ chứng khoán khác.....	5
Điều 8: Chuyển nhượng cổ phần.....	6
Điều 9: Thu hồi cổ phần.....	6
CHƯƠNG V. KINH DOANH CHỨNG KHOÁN.....	7
Điều 10: Nguyên tắc kinh doanh chứng khoán.....	7
Điều 11: Quyền và nghĩa vụ của Công ty.....	8
Điều 12. Các quy định cấm và hạn chế.....	11
Điều 13. Các quy định về kiểm soát nội bộ.....	12
Điều 14. Các quy định về bảo mật thông tin.....	12
Điều 15. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp.....	13
Điều 16. Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ.....	13
Điều 17: Chào bán cổ phần.....	13
CHƯƠNG VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT.....	14
Điều 18: Cơ cấu tổ chức quản lý.....	14
CHƯƠNG VII. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	14
Điều 19: Quyền của cổ đông.....	14
Điều 20: Nghĩa vụ của Cổ đông.....	16
Điều 21: Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 22: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 23: Các đại diện được ủy quyền.....	20

Điều 24: Thay đổi các quyền.....	21
Điều 25: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 26: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 27: Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 28: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 29: Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 30: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 31: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	28
CHƯƠNG VIII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	28
Điều 32: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	28
Điều 33: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	30
Điều 34: Chủ tịch Hội đồng quản trị	33
Điều 35: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị	35
Điều 36: Thành viên Hội đồng quản trị thay thế.....	36
Điều 37: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	36
Điều 38: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập.....	37
Điều 39: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp	38
Điều 40: Bộ phận Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng quản trị.....	41
CHƯƠNG IX. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, TỔNG GIÁM ĐỐC,.....	43
CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	43
Điều 41: Tổ chức bộ máy quản lý	43
Điều 42: Thành phần, nghĩa vụ và quyền hạn của Ban Tổng Giám đốc.....	43
Điều 43: Cán bộ quản lý.....	44
Điều 44: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	45
Điều 45: Thư ký Công ty.....	46
Điều 46: Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc	47
CHƯƠNG X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,	48
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ.....	48
Điều 47: Trách nhiệm căn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý	48
Điều 48: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	48
Điều 49: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	50
CHƯƠNG XI. BAN KIỂM SOÁT.....	50
Điều 50: Thành viên Ban kiểm soát	50

Điều 51: Ban kiểm soát	51
Điều 52: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát	54
CHƯƠNG XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	55
Điều 53: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	55
CHƯƠNG XIII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	55
Điều 54: Công nhân viên và công đoàn	55
CHƯƠNG XIV. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	56
Điều 55: Cổ tức	56
CHƯƠNG XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	57
Điều 56: Tài khoản ngân hàng	57
Điều 57: Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	57
Điều 58: Năm tài chính	57
Điều 59: Hệ thống kế toán	57
Điều 60: Xử lý lỗ trong kinh doanh	57
CHƯƠNG XVI. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN,	58
TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	58
Điều 61: Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý	58
Điều 62: Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	59
CHƯƠNG XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY	59
Điều 63: Kiểm toán	59
CHƯƠNG XVIII. CON DẤU	59
Điều 64: Con dấu	59
CHƯƠNG XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	59
Điều 65: Chấm dứt hoạt động	59
Điều 66: Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông	60
Điều 67: Thanh lý	60
Điều 68: Phá sản	61
CHƯƠNG XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	61
Điều 69: Giải quyết tranh chấp nội bộ	61
Điều 70: Các giao dịch phải được chấp thuận	61
Điều 71: Bỏ phiếu biểu quyết thực hiện hợp đồng giao dịch với bên liên quan	62
CHƯƠNG XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	62
Điều 72: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	62
CHƯƠNG XXII. NGÀY HIỆU LỰC	63
Điều 73: Ngày hiệu lực	63

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng thông qua theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 30 tháng 10 năm 2017.

CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1: Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. “Công ty” là Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng.
 - b. "Vốn điều lệ" là Tổng giá trị mệnh giá số cổ phần đã phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đủ và được ghi tại Điều 5 của Điều lệ này.
 - c. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
 - d. “Luật chứng khoán” là Luật Chứng khoán đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010.
 - e. “Điều khoản” là một điều khoản của Điều lệ này.
 - f. “Pháp luật” là tất cả văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 03 tháng 06 năm 2008 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).
 - g. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
 - h. "Cán bộ quản lý" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

- i. "Người có liên quan" là Cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định của tại Điều 6.34 Luật Chứng khoán, Điều 4.17 và Điều 189 Luật Doanh nghiệp.
 - j. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
 - k. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.
 - l. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
 - m. “UBCK” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- 2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
 - 3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;
 - 4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC PHÁP LÝ, TRỤ SỞ, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2: Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, cơ cấu tổ chức và thời hạn hoạt động của Công ty

- 1. Tên Công ty
 - a. Tên tiếng Việt : Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
 - b. Tên tiếng Anh : Phu Hung Securities Corporation
 - c. Tên giao dịch : Chứng khoán Phú Hưng
 - d. Tên viết tắt : PHS
- 2. Hình thức pháp lý: Công ty là công ty cổ phần được cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Chứng khoán.
- 3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - a. Địa chỉ : Lầu 3, CR3-03A, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
 - b. Điện thoại : 84 28 5413 5479

c. Fax : 84 28 5413 5472

d. Website : www.phs.vn

4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

Đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Albert Kwang-Chin Ting

a. Chức danh của người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Hội đồng quản trị

b. Quyền của người đại diện theo pháp luật:

Người đại diện theo pháp luật có các quyền theo quy định tại Điều lệ của Công ty và theo quy định của pháp luật hiện hành.

c. Trách nhiệm và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:

Thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Công ty có thể thành lập, thay đổi, đóng cửa chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 65.2 và Điều 66 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3: Mục tiêu hoạt động của Công ty

Mục tiêu hoạt động của Công ty là: không ngừng tìm kiếm các cơ hội phát triển kinh doanh chứng khoán nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Cổ đông của Công ty, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, bền vững.

Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty là:
- Môi giới chứng khoán;
 - Tự doanh chứng khoán;

- c. Tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác;
 - d. Bảo lãnh phát hành chứng khoán.
2. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy phép thành lập và hoạt động và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
 3. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty được cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng Việt Nam).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 50.000.000 (Năm mươi triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 (Mười ngàn) đồng Việt Nam.
2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông được quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào

bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6: Chứng chỉ cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 của Điều này. Chứng chỉ cổ phiếu được phát hành theo hình thức bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử.
2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.
3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.
6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.
7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 7: Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và

chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8: Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.
3. Tổ chức nước ngoài đáp ứng điều kiện quy định của pháp luật hiện hành được sở hữu từ 51% đến 100% vốn điều lệ của Công ty.
4. Mỗi nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân, tổ chức khác chỉ được sở hữu dưới 51% vốn điều lệ của Công ty.
5. Giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp chiếm từ 10% trở lên vốn Điều lệ đã góp, giao dịch dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cổ đông vượt qua hoặc xuống dưới các mức sở hữu 10%, 25%, 50%, 75% vốn Điều lệ đã góp của Công ty phải được UBCK chấp thuận, trừ trường hợp cổ phiếu của Công ty được niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán và chuyển nhượng theo quyết định của Tòa án.

Điều 9: Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi

theo tỷ lệ (không quá 18% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V. KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

Điều 10: Nguyên tắc kinh doanh chứng khoán

1. Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các pháp luật khác;
2. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp;
3. Liêm trực và thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng;
4. Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;
5. Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết khác để thực hiện hoạt động kinh doanh chứng khoán và ban hành bằng văn bản các quy trình thực hiện nghiệp vụ kinh doanh phù hợp;
6. Chỉ được đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng;
7. Phải cung cấp cho khách hàng thông tin cần thiết cho việc ra quyết định đầu tư của khách hàng;
8. Phải thận trọng không được tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, Công ty phải thông báo trước cho khách hàng và/hoặc áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;
9. Tách biệt về văn phòng làm việc, nhân sự, hệ thống dữ liệu, báo cáo giữa các bộ phận nghiệp vụ để đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa Công ty với khách hàng, giữa khách hàng với nhau. Công ty phải công bố cho khách hàng biết trước về những xung đột lợi ích có thể phát sinh giữa Công ty, người hành nghề và khách hàng.
10. Bố trí người hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ hoạt động kinh doanh. Người hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán không được đồng thời thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán.
11. Dự báo giá hoặc khuyến nghị giao dịch liên quan đến một loại chứng khoán cụ thể trên các phương tiện truyền thông phải ghi rõ cơ sở phân tích và nguồn trích dẫn thông tin.
12. Ban hành và áp dụng các quy trình nghiệp vụ trong Công ty phù hợp với quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.

Điều 11: Quyền và nghĩa vụ của Công ty

1. Quyền của Công ty

- a. Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng về giao dịch chứng khoán, đăng ký và lưu ký chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính;
- b. Thực hiện thu phí theo các mức phí, lệ phí do Bộ Tài chính quy định;
- c. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của Luật lao động, tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo quy định của pháp luật;
- d. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

2. Nghĩa vụ của Công ty

- a. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ công ty và trong giao dịch với người có liên quan;
- b. Quản lý tách biệt chứng khoán của từng nhà đầu tư, tách biệt tiền và chứng khoán của nhà đầu tư với tiền và chứng khoán của công ty chứng khoán;
- c. Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng;
- d. Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của công ty;
- e. Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro của khách hàng; bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của công ty cho khách hàng phải phù hợp với khách hàng đó;
- f. Tuân thủ các quy định bảo đảm vốn khả dụng theo quy định của Bộ Tài chính;
- g. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật và sơ suất của nhân viên trong công ty;
- h. Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của công ty;
- i. Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán và cho khách hàng vay chứng khoán để bán theo quy định của Bộ Tài chính;
- j. Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính về nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;
- k. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;

- l. Thực hiện công bố thông tin và chế độ báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính;
- m. Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị công ty theo Điều 28 Luật Chứng khoán;
- n. Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định tại Quy chế về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán;
- o. Thực hiện việc cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính.
- p. Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát để quản lý phù hợp với quy định của pháp luật;
- q. Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- r. Không được thực hiện các hành vi sau:
 - i. Cam kết về thu nhập, lợi nhuận cho các cổ đông (trừ trường hợp đối với cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức cố định);
 - ii. Nắm giữ bất hợp pháp các lợi ích, thu nhập từ cổ phần của các cổ đông;
 - iii. Cung cấp tài chính hoặc bảo lãnh cho các cổ đông một cách trực tiếp hoặc gián tiếp; cho vay dưới mọi hình thức đối với các cổ đông lớn, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng này;
 - iv. Tạo thu nhập cho cổ đông bằng cách mua lại cổ phiếu của các cổ đông dưới các hình thức không phù hợp với quy định của pháp luật;
 - v. Xâm phạm đến các quyền của cổ đông như: quyền sở hữu, quyền chọn, quyền giao dịch công bằng, quyền được cung cấp thông tin, các quyền và lợi ích hợp pháp khác.
- s. Sổ đăng ký cổ đông
 - i. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông ngay khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
 - ii. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - iii. Hình thức của sổ đăng ký cổ đông: lưu giữ ở dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử.
 - iv. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

- v. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trong việc xác nhận đăng ký cổ phần cho cổ đông một cách đầy đủ, kịp thời. Đồng thời, chịu trách nhiệm lưu giữ sổ đăng ký và đảm bảo tính chính xác của sổ đăng ký, tránh mọi tổn hại gây ra cho cổ đông hoặc bên thứ ba do nghĩa vụ nói trên không được thực hiện.
- t. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty và các giao dịch tương ứng của họ với công ty;
- u. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, hoặc Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:
 - i. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - ii. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;
- v. Việc kê khai quy định tại khoản u Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;
- w. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Điều 11.2.t và Điều 11.2.u được thực hiện như sau:
 - i. Công ty phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
 - ii. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung Danh sách nói trên tại các chi nhánh của công ty;
 - iii. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, hoặc Tổng Giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;
 - iv. Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại Điều 11.2.w.iii tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 12. Các quy định cấm và hạn chế

1. Quy định đối với Công ty

- a. Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;
- b. Không được tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
- c. Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;
- d. Không được thỏa thuận hoặc đưa ra lãi suất cụ thể hoặc chia sẻ lợi nhuận/thua lỗ với khách hàng để lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch;
- e. Không được trực tiếp hoặc gián tiếp thiết lập các địa điểm ngoài các địa điểm giao dịch đã được Ủy ban chứng khoán chấp thuận để ký hợp đồng, nhận lệnh, thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán hoặc thanh toán giao dịch chứng khoán với khách hàng;
- f. Không nhận lệnh, thanh toán giao dịch với người khác không phải là người đứng tên tài khoản giao dịch mà không có ủy quyền của khách hàng bằng văn bản;
- g. Không sử dụng tên hoặc tài khoản của khách hàng để đăng ký, giao dịch chứng khoán;
- h. Không chiếm dụng chứng khoán, tiền hoặc tạm giữ chứng khoán của khách hàng theo hình thức lưu ký dưới tên Công ty;
- i. Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán không được chứa đựng những thoả thuận nhằm trốn tránh nghĩa vụ pháp lý của Công ty; hạn chế phạm vi bồi thường của Công ty hoặc chuyển rủi ro từ Công ty sang khách hàng; buộc khách hàng thực hiện nghĩa vụ bồi thường một cách không công bằng và các thoả thuận gây bất lợi một cách không công bằng cho khách hàng.

2. Quy định đối với người hành nghề chứng khoán của Công ty:

- a. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với công ty chứng khoán nơi mình đang làm việc;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ khác;
- c. Không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết;
- d. Chỉ được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho mình tại chính Công ty;

- e. Khi thực hiện các hoạt động giao dịch trên tài khoản khách hàng, người hành nghề chứng khoán là đại diện cho Công ty và thực hiện với tư cách Công ty. Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được Công ty ủy quyền theo sự ủy thác của khách hàng cho Công ty bằng văn bản.
3. Quy định đối với Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc của công ty:
- a. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc của công ty chứng khoán khác;
 - b. Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của công ty chứng khoán khác;
 - c. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác. Tổng Giám đốc không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác.

Điều 13. Các quy định về kiểm soát nội bộ

- 1. Quy trình kiểm soát nội bộ được lập chính thức bằng văn bản và được công bố trong nội bộ Công ty.
- 2. Mọi nhân viên của Công ty đều phải tuân thủ quy định về kiểm soát nội bộ.
- 3. Định kỳ Công ty tiến hành kiểm tra và hoàn thiện các biện pháp kiểm soát nội bộ.
- 4. Bộ phận kiểm soát nội bộ chịu trách nhiệm đảm bảo hệ thống kiểm soát nội bộ được tuân thủ, định kỳ báo cáo kết quả lên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc công ty để hoàn thiện các biện pháp kiểm soát nội bộ.

Điều 14. Các quy định về bảo mật thông tin

- 1. Công ty phải có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng.
- 2. Quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:
 - a. Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;
 - b. Khách hàng của Công ty muốn biết thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của chính mình;
 - c. Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

Điều 15. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp

1. Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán ban hành dưới hình thức văn bản phải được công bố rộng rãi trong Công ty. Công ty phải xây dựng nội quy của Công ty, chi tiết hoá nội dung của bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp này.
2. Mọi nhân viên của Công ty đều phải tuân thủ nghiêm ngặt bộ quy tắc này.
3. Bộ phận kiểm soát nội bộ có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp của lãnh đạo và nhân viên Công ty.

Điều 16. Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ

1. Việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty phải được thực hiện phù hợp với quy định pháp luật.
2. Công ty có thể tăng vốn Điều lệ thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi:
 - a. Công ty có nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh; hoặc
 - b. Công ty bị giảm vốn hoạt động kinh doanh chứng khoán hiện thời và phương án huy động vốn từ các nguồn bên ngoài không thực hiện được.
3. Vốn điều lệ của Công ty được điều chỉnh tăng trong các trường hợp sau:
 - a. Phát hành cổ phiếu mới để huy động thêm vốn theo quy định của pháp luật;
 - b. Chuyển đổi trái phiếu đã phát hành thành cổ phần;
 - c. Thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu;
 - d. Kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung tăng vốn điều lệ.
 - e. Chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa công ty và chủ nợ.
4. Việc giảm vốn điều lệ Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng vẫn phải đảm bảo điều kiện vốn pháp định theo quy định hiện hành.

Điều 17: Chào bán cổ phần

1. Công ty được chào bán cổ phiếu ra công chúng khi đáp ứng các điều kiện chào bán cổ phiếu theo quy định tại Luật chứng khoán;
2. Công ty phải đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng;
3. Phương thức, thủ tục chào bán cổ phiếu ra công chúng được thực hiện theo quy định về chào bán chứng khoán ra công chúng của Luật chứng khoán.

CHƯƠNG VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 18: Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Tổng Giám đốc;
4. Ban kiểm soát.(nếu có)

CHƯƠNG VII. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 19: Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể uỷ quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Nhận cổ tức;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty;
 - h. Nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng số cổ phần phổ thông được quyền xem xét và trích lục sổ biên bản họp và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa niên độ và hàng năm, các báo cáo của

Ban Kiểm soát và yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

- i. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất một phần trăm (1%) số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong các trường hợp theo quy định của pháp luật. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.
 - j. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;
 - k. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:
- a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 2 Điều 32 và khoản 2 Điều 50 của Điều lệ này;
 - b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - i. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - ii. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;
 - iii. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
 - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, số Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập và hoạt động, đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng

cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 20: Nghĩa vụ của Cổ đông

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
2. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số cổ phần cam kết mua; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì cổ đông đó và người có liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

Điều 21: Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không tổ chức họp được theo thời hạn nêu trên, Công ty phải báo cáo Ủy ban chứng khoán và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn hai (02) tháng tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;
 - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 19.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, lý do và mục đích yêu cầu triệu tập cuộc họp và chứng cứ chứng minh cho mục đích, lý do đó. Văn bản kiến nghị phải có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
 - e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 19.3 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối đề xuất này nếu:
 - i. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; hoặc
 - ii. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; hoặc
 - iii. Trường hợp khác do Công ty quy định trong Điều lệ này phù hợp với pháp luật hiện hành.
 - f. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c của Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e của Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a của Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều 136.5 Luật Doanh Nghiệp. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b của Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d của Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.
- d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 22: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
 - b. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

- c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán;
 - e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - l. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
 - n. Việc Tổng Giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Các hợp đồng quy định tại Điều 22.2 của Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của Hợp đồng;
 - b. Hủy bỏ, giảm bớt các nghĩa vụ của cổ đông đó đối với Công ty; khởi xướng hoặc hủy bỏ một vụ kiện đối với cổ đông đó.
4. Trường hợp cổ đông dự họp là người có liên quan, không có quyền biểu quyết thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về vấn đề đó được thông qua khi có ít nhất 65% tổng

số cổ phiếu được quyền biểu quyết thông qua, tương ứng theo quy định tại Điều 28 Điều lệ này.

5. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23: Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau:
 - a. Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền theo Điều 15.4 Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại Hội đồng Cổ đông;
 - c. Gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo đến Hội đồng quản trị chậm nhất 01 ngày trước khi khai mạc cuộc họp. Trong trường hợp này, Trưởng ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông có quyền mở phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Số phiếu biểu quyết được gửi bằng thư đảm bảo phải được thông báo cho cổ đông ngay sau khi khai mạc cuộc họp;
 - d. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp với các quy định pháp luật.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
 - c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 24: Thay đổi các quyền

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Điều 22.2 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.
2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 26 và Điều 28 của Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 25: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 21.4.b hoặc Điều 21.4.c.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

- a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;
 - b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 19.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 của Điều này trong các trường hợp sau:
- a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;
 - c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.
6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 26: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
4. Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 25.3 của Điều lệ này.

Điều 27: Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.
3. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa cử một người làm Thư ký cuộc họp để lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.
7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 của Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.
10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
 - a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội;Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 28: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu cổ phiếu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.
2. Tùy từng thời điểm, Công ty có thể xem xét áp dụng công nghệ thông tin trong việc biểu quyết, bao gồm biểu quyết vắng mặt thông qua hệ thống điện tử được bảo mật, biểu quyết qua internet hoặc qua điện thoại để tạo điều kiện thuận lợi cho các cổ đông tham gia dự họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.
4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
5. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua nghị quyết hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết. Trường hợp quyết định đã được thông qua của Đại hội đồng cổ đông bị cổ đông, nhóm cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện theo quy định tại Điều 147 Luật Doanh nghiệp thì quyết định này vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

6. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bởi 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng quy định.
7. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày dương lịch, kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 29: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến;
2. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.
3. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

Tại thời điểm Công ty tổ chức kiểm Phiếu lấy ý kiến, mà Công ty chưa nhận được Phiếu lấy ý kiến từ các cổ đông thì được coi như các cổ đông đó đã tán thành với vấn đề cần lấy ý kiến.

4. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các quyết định đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
5. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
6. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;
7. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 30: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và thông báo cho tất cả các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản.

Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này.

Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 31: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VIII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 32: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là ba (03) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá ba (03) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị độc lập là 01 người.

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị thường trú ở Việt Nam phải có tối thiểu 01 người.

2. Các cổ đông nắm giữ số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu

(06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Thông tin về những người được đề cử vào Hội đồng quản trị phải được công bố trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông, gồm có: danh tính của ứng viên; danh tính của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó; độ tuổi và trình độ học vấn của ứng viên; kinh nghiệm và trình độ chuyên môn của ứng viên; những vị trí công tác mà ứng viên đảm nhiệm trong vòng năm (05) năm qua; những vị trí công tác mà ứng viên đang đảm nhiệm; bản chất mối quan hệ của ứng viên với Công ty; các vị trí trong Hội đồng quản trị hoặc các vị trí chủ chốt khác mà ứng viên nắm giữ, được đề cử tại các công ty khác; quan hệ của ứng viên với người có liên quan trong Công ty; quan hệ của ứng viên với đối tác kinh doanh chính của Công ty; việc ứng viên từ chối cung cấp thông tin theo yêu cầu của Công ty (nếu có).
4. Không đề cử vào Hội đồng quản trị nhân viên của một đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán cho Công ty trong vòng một (01) năm qua.
5. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
6. Nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị mất tư cách thành viên, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có thời hạn đến hết nhiệm kỳ của các thành viên Hội đồng quản trị còn lại.
7. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ này;
 - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - c. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
8. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bãi nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bãi nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bãi nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước

thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

9. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
10. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.
11. Trường hợp Hội đồng quản trị đã hết nhiệm kỳ mà Đại hội đồng cổ đông chưa bầu được Hội đồng quản trị mới, Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

Điều 33: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Để tránh hiểu lầm, mọi vấn đề không được quy định rõ ràng thuộc thẩm quyền quyết định duy nhất của Đại hội đồng cổ đông theo Điều Lệ này thì sẽ thuộc quyền quyết định duy nhất của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.
2. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.
4. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện một phần quyền hạn và chức năng của Hội đồng quản trị trong thời gian Hội đồng quản trị không tổ chức cuộc họp. Nội dung ủy quyền phải được xác định rõ ràng, cụ thể. Đối với những vấn đề trọng yếu, liên quan đến lợi ích sống còn của Công ty thì không được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định.
5. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định mức lương của họ;

- d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
 - f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - g. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
 - i. Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - k. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - m. Xây dựng và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo quy định hiện hành về quản trị.
6. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại Điều 149.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 162.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thu tóm công ty và liên doanh);
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

- f. Các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Quyết định mua lại từ 10% tổng số cổ phần đã bán; quyết định phương án bán, chia thưởng cổ phiếu quỹ theo những cách thức phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
 - i. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - j. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - k. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
 - l. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - m. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
7. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
 8. Trường hợp các nghị quyết đã được Hội đồng quản trị thông qua nhưng trái với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty thì cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.
 9. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 10. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty. Nội dung uỷ quyền phải được xác định rõ ràng, cụ thể.
 11. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

12. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị [và số tiền thù lao cho từng thành viên] phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty và báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
13. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
14. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
15. Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị:
 - a. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;
 - c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - d. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận tại cuộc họp;
 - e. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;
 - f. Các thành viên Hội đồng quản trị không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn;
 - g. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 34: Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Khi Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm chức Tổng Giám đốc của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc Điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Hội đồng quản trị có thể lựa chọn trong số các thành viên còn lại một Phó Chủ tịch để trợ giúp cho Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, ký thay mặt Đại hội đồng cổ đông trong các nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - f. Lãnh đạo và đảm bảo sự hoạt động có hiệu quả của Hội đồng quản trị;
 - g. Xây dựng, thực hiện và rà soát các thủ tục chi phối hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - h. Lên lịch họp Hội đồng quản trị và các bộ phận trực thuộc Hội đồng quản trị;
 - i. Chuẩn bị chương trình nghị sự cho các cuộc họp Hội đồng quản trị;

- j. Thường xuyên gặp gỡ Tổng Giám đốc và đóng vai trò là người liên lạc giữa Hội đồng quản trị với Ban Tổng Giám đốc;
- k. Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các thành viên Hội đồng quản trị với Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- l. Đảm bảo việc truyền thông và liên lạc hiệu quả với các cổ đông;
- m. Tổ chức đánh giá định kỳ công tác của Hội đồng quản trị, các bộ phận trực thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- n. Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, độc lập hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên điều hành và những thành viên không điều hành trong Hội đồng quản trị;
- o. Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo nhu cầu và hoàn cảnh thực tế.

Điều 35: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 2. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông hoặc người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng.
- 3. Không phải là Tổng Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác; không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác (đối với công ty niêm yết).
- 4. Không được từng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc đại diện theo pháp luật của một công ty bị phá sản hoặc bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng.
- 5. Không đề cử vào Hội đồng quản trị nhân viên của một đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán cho Công ty trong vòng 03 năm qua.
- 6. Các thành viên Hội đồng quản trị cần có những phẩm chất và năng lực sau đây:
 - a. Nhận được sự tin tưởng của các cổ đông (phản ánh qua việc các cổ đông biểu quyết ủng hộ), các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý và nhân viên của Công ty;
 - b. Có khả năng cân bằng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan và đưa ra những quyết định hợp lý;
 - c. Có kinh nghiệm chuyên môn và trình độ học vấn cần thiết để điều hành hoạt động Công ty một cách hiệu quả;

- d. Có kinh nghiệm kinh doanh quốc tế, am hiểu các vấn đề địa phương, hiểu biết về thị trường, sản phẩm và đối thủ cạnh tranh;
- e. Có khả năng biến kiến thức và kinh nghiệm thành các giải pháp thực tiễn.

Khi bắt đầu nhiệm kỳ, tất cả thành viên Hội đồng quản trị đều phải đáp ứng đầy đủ những điều kiện theo yêu cầu của pháp luật, quy chế quản trị, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty. Trong nhiệm kỳ của mình, nếu có sự thay đổi thì các thành viên phải thông báo với Chủ tịch Hội đồng quản trị. Tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều này đồng thời áp dụng cho những thành viên Hội đồng quản trị được bầu chọn bổ sung, thay thế.

Điều 36: Thành viên Hội đồng quản trị thay thế

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không phải người được ủy nhiệm thay thế cho thành viên đó) có thể chỉ định một thành viên Hội đồng quản trị khác, hoặc một người được Hội đồng quản trị phê chuẩn và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ này, làm người thay thế cho mình và có quyền bãi miễn người thay thế đó.
2. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế có quyền được nhận thông báo về các cuộc họp của Hội đồng quản trị và của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà người chỉ định họ là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại các cuộc họp khi thành viên Hội đồng quản trị chỉ định họ không có mặt, và được ủy quyền để thực hiện tất cả các chức năng của người chỉ định như là thành viên của Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định vắng mặt. Thành viên thay thế này không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công ty cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị thay thế. Tuy nhiên, Công ty không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp nói trên cho thành viên Hội đồng quản trị thay thế không có mặt tại Việt Nam.
3. Thành viên thay thế sẽ phải từ bỏ tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định họ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm hoặc được coi là đã được tái bổ nhiệm trong cùng Đại hội đồng cổ đông mà thành viên đó thôi giữ chức do hết nhiệm kỳ thì việc chỉ định thành viên thay thế do người này thực hiện ngay trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó được tái bổ nhiệm.
4. Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải được thành viên Hội đồng quản trị chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế làm bằng văn bản thông báo và ký gửi cho Công ty hoặc theo hình thức khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn.
5. Ngoài những quy định khác đã được nêu trong Điều lệ này, thành viên thay thế sẽ được coi như là thành viên Hội đồng quản trị trên mọi phương diện và phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình mà không được coi là người đại diện thừa hành sự ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị đã chỉ định mình.

Điều 37: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

- a. Thành viên Hội đồng quản trị không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ này;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn xin từ chức;
 - d. Có bằng chứng chứng tỏ thành viên Hội đồng quản trị bị mất năng lực hành vi;
 - e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
2. Trường hợp bổ sung thành viên Hội đồng quản trị: trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị. Việc bầu mới thành viên Hội đồng quản trị thay thế phải được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Khi số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng quy định tại Điều lệ công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 38: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

1. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các tiêu chuẩn và Điều kiện theo quy định tại các văn bản pháp luật quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán.
2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị khi không còn đáp ứng đủ Điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ Điều kiện nêu trên. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ Điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị.¹
3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị độc lập giống với nhiệm kỳ của các thành viên khác nhưng không được bổ nhiệm lại trong nhiệm kỳ tiếp theo.
4. Thành viên độc lập có các nhiệm vụ và quyền hạn giống các thành viên Hội đồng quản trị khác, ngoài ra còn có các quyền hạn sau:
 - a. Đề xuất với Hội đồng quản trị tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đề xuất với Ban Kiểm soát tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị phản đối đề nghị này;

¹ Điều 33 Điều lệ mẫu Thông tư 07/2016/TT-BTC

- b. Thuê tổ chức tư vấn hoặc kiểm toán để thực hiện nhiệm vụ của mình;
- c. Đưa ra ý kiến độc lập về các vấn đề liên quan đến kế hoạch khen thưởng, trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị và người quản lý Công ty;
- d. Đưa ra các ý kiến độc lập về các giao dịch lớn có liên quan và báo cáo cơ quan quản lý khi xét thấy cần thiết.

Điều 39: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;
 - b. Hai thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - d. Ban kiểm soát hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 của Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 của Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất ba (03) ngày dương lịch trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và

việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bu-rơ điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu:

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày dương lịch kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Biểu quyết

- a. Trừ quy định tại Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết. Các thành viên không trực tiếp tham dự cuộc họp sẽ có quyền biểu quyết bằng cách gửi văn bản phiếu. Văn bản phiếu sẽ được niêm phong trong phong bì và trao cho Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị ít nhất là một (1) giờ trước khi khai mạc cuộc họp. Văn bản phiếu sẽ chỉ được mở có sự chứng kiến của tất cả người tham dự cuộc họp;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c. Theo quy định tại Khoản 9d của Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
- d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a, b khoản 4, Điều 48 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

12. Hợp trên điện thoại hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc các hình thức khác:

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này.

Tùy từng thời điểm, cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp theo hình thức họp trên điện thoại hoặc gửi ý kiến bằng văn bản trong thời hạn do Hội đồng quản trị ấn định được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại hoặc bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp hoặc thu thập ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn đã ấn định nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

- a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;

- b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị: Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác tại trụ sở công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và Tiếng Anh và phải có họ tên và chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp; người ghi biên bản và chủ tọa. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Trường hợp nghị quyết Hội đồng quản trị đã được thông qua theo đúng quy định pháp luật nhưng có thành viên từ chối ký biên bản thì chữ ký xác nhận việc tham dự họp được coi là chữ ký của họ tại biên bản họp.
15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
16. Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Điều 40: Bộ phận Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng quản trị

1. Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của bộ phận Kiểm toán nội bộ như sau:
 - a. Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - b. Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;

- c. Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;
 - d. Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;
 - e. Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;
 - f. Đánh giá kiểm soát nội bộ thông qua thông tin tài chính và thông qua quá trình kinh doanh;
 - g. Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;
 - h. Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;
 - i. Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;
 - j. Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;
 - k. Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;
 - l. Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty;
2. Chức năng và nguyên tắc hoạt động của Bộ phận Quản trị rủi ro:
- a. Quy định chính sách, chiến lược quản lý rủi ro; các tiêu chuẩn đánh giá rủi ro; mức độ rủi ro tổng thể của Công ty và từng bộ phận trong Công ty;
 - b. Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách, quy trình rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;
 - c. Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này.
3. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm toán nội bộ:
- a. Không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng năm (05) năm gần nhất tính tới năm được bổ nhiệm;
 - b. Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
 - c. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;

- d. Có Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán;
- e. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.

CHƯƠNG IX. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 41: Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng Giám đốc, một hoặc một số Phó Tổng Giám đốc, một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 42: Thành phần, nghĩa vụ và quyền hạn của Ban Tổng Giám đốc

1. Thành phần Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có: Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.
2. Thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị thuê hoặc bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của các thành viên Ban Tổng Giám đốc khác là 03 năm. Số lượng thành viên Ban Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị phải ít hơn hai phần ba (2/3) tổng số ghế trong Hội đồng quản trị.
3. Ban Tổng Giám đốc phải thiết lập và duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro bao gồm các quy trình, bộ máy, nhân sự nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Công ty và khách hàng; thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, nhân sự độc lập và chuyên trách, các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của công ty nhằm bảo đảm mục tiêu theo quy định của pháp luật.
4. Ban Tổng Giám đốc phải xây dựng các quy định làm việc để Hội đồng quản trị thông qua, quy định làm việc tối thiểu phải có các nội dung cơ bản sau đây:
 - a. Trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của thành viên Ban Tổng Giám đốc;
 - b. Quy định trình tự, thủ tục tổ chức và tham gia các cuộc họp;
 - c. Trách nhiệm báo cáo của Ban Tổng Giám đốc đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.
5. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, các thành viên Ban Tổng Giám đốc có nghĩa vụ và quyền lợi sau đây:
 - a. Nghĩa vụ của thành viên Ban Tổng Giám đốc:
 - i. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của

Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

- ii. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;
 - iii. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - iv. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà thành viên Ban Tổng Giám đốc và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;
 - v. Công khai hóa các lợi ích và người có liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - vi. Thành viên Ban Tổng Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn;
 - vii. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- b. Quyền lợi của thành viên Ban Tổng Giám đốc:
- i. Thành viên Ban Tổng Giám đốc được quyền nhận thù lao, tiền lương, thưởng theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương của thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định;
 - ii. Thù lao và tiền lương của thành viên Ban Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 43: Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 44: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ:

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là ba (03) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc:

- a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- d. Tuyển dụng lao động;
- e. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- g. Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách;
- h. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

- i. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - j. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.
 - k. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.
4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
5. Bãi nhiệm

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau đây:

- a. Khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.
- b. Không còn đủ tiêu chuẩn và Điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định pháp luật hiện hành.
- c. Có đơn xin từ chức.

Điều 45: Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
2. Làm biên bản các cuộc họp;
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
4. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

5. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 46: Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc

1. Bộ phận Kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ những nội dung sau:
 - a. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong công ty;
 - b. Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền.
 - c. Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;
 - d. Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;
 - e. Tách biệt tài sản của khách hàng;
 - f. Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
 - g. Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
 - h. Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám đốc giao.
2. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:
 - a. Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
 - b. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong công ty chứng khoán;
 - c. Có Chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
 - d. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty;
3. Nhiệm vụ của hệ thống thực thi quản trị rủi ro:

- a. Xác định chính sách thực thi và mức độ chấp nhận rủi ro của Công ty;
- b. Xác định rủi ro của Công ty;
- c. Đo lường rủi ro;
- d. Giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và xử lý rủi ro.

CHƯƠNG X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 47: Trách nhiệm căn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiêu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ căn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 48: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng quản trị đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của công ty.
5. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.
7. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
8. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý và những người có liên quan của các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
9. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

10. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.
11. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty. Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan.

Điều 49: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI. BAN KIỂM SOÁT

Điều 50: Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số.
2. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
3. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
4. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
5. Trường hợp Kiểm soát viên đã kết thúc nhiệm kỳ nhưng Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
6. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá ba (03) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
7. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
- a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
 - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty và được chấp thuận;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 51: Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- a. Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.
- d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
- e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Điều lệ này.
- f. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- g. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- h. Trường hợp phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc vi phạm pháp luật, Điều lệ công ty dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc khách hàng thì Ban Kiểm soát có trách nhiệm yêu cầu người có hành vi vi phạm giải trình trong thời hạn nhất định hoặc đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để giải quyết. Đối với các vi phạm pháp luật, Ban Kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản cho UBCK trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm.
- i. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.
- j. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- k. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- l. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;

- m. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - n. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
 - o. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý;
 - p. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 - q. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
 - r. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - s. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
 - t. Khi có yêu cầu kiểm tra của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm g khoản 2 Điều 19 của Điều lệ này, Ban Kiểm soát phải thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải có báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị và không gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - u. Khi có yêu cầu khởi kiện của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm h khoản 2 Điều 19, Ban Kiểm soát phải trả lời bằng văn bản xác nhận đã nhận được yêu cầu khởi kiện và tiến hành các thủ tục khởi kiện theo yêu cầu của cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu khởi kiện.
 - v. Đối với trường hợp thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc của Công ty vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật, Ban Kiểm soát phải trực tiếp báo cáo lên Ủy ban chứng khoán bằng văn bản trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm.
 - w. Các quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.
4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
5. Ban Kiểm soát phải ban hành các quy định về cách thức hoạt động và trình tự, thủ tục, cách thức tổ chức cuộc họp của Ban Kiểm soát.
6. Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát:
 - a. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
 - b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;
 - c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản của Công ty, địa vị, chức vụ của mình để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích cho tổ chức, cá nhân khác;
 - d. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
7. Trường hợp Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ quy định tại Khoản 6 Điều này, dẫn đến gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả Công ty.
8. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong khi thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu Kiểm soát viên có hành vi vi phạm phải chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 52: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát

1. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Không được giữ chức vụ quản lý trong Công ty, không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.
3. Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của công ty chứng khoán khác. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và làm việc chuyên trách, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy

định tiêu chuẩn khác cao hơn.

4. Có trình độ chuyên môn về chứng khoán và thị trường chứng khoán; Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành tài chính, ngân hàng.

CHƯƠNG XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 53: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong khoản 2 Điều 32 và khoản 3 Điều 50 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua Luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc có toàn quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

Cán bộ quản lý chỉ có quyền xem xét tài liệu của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy phép thành lập và hoạt động, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

CHƯƠNG XIII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 54: Công nhân viên và công đoàn

Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIV. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 55: Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.
6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
8. Công ty chỉ được chia lợi nhuận cho các cổ đông phổ thông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận.

9. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 56: Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 57: Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 100% vốn điều lệ của Công ty.

Điều 58: Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 dương lịch cùng năm.
2. Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trường hợp năm tài chính đầu tiên của Công ty ít hơn bốn (04) tháng, Báo cáo tài chính của năm đó được kiểm toán gộp với Báo cáo của năm tài chính tiếp theo.

Điều 59: Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Điều 60: Xử lý lỗ trong kinh doanh

Lỗ năm trước sẽ được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công ty kinh doanh có lãi.

CHƯƠNG XVI. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 61: Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 63 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 của Công ty phải được một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, soát xét theo đúng quy định.
3. Tổ chức kiểm toán độc lập và các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được UBCK chấp thuận. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thảo thuận với Hội đồng quản trị. Trong cùng năm tài chính, công ty chứng khoán không được thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, trừ trường hợp công ty mẹ thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận hoặc tổ chức kiểm toán được chấp thuận bị đình chỉ hoặc bị hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán.
4. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.
5. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.
6. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố một (01) số báo có phạm vi phát hành trong toàn quốc. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website đó.
7. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 62: Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 63: Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVIII. CON DẤU

Điều 64: Con dấu

1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 65: Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;

- b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 66: Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 67: Thanh lý

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;

- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

Điều 68: Phá sản

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

CHƯƠNG XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 69: Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty; hoặc
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp.
 - c. Khách hàng hoặc các đối tác khác liên quan với Công ty.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án có thẩm quyền tại Việt Nam.
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

Điều 70: Các giao dịch phải được chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
 - a. Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm

- (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc;
 - c. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc.
2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật phải gửi dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch đến các thành viên Hội đồng quản trị, đồng thời niêm yết dự thảo hợp đồng tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày hợp đồng được niêm yết, thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;
 3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác, ngoài các trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.
 4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Khoản 2,3 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty. Người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật và phải hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 71: Bỏ phiếu biểu quyết thực hiện hợp đồng giao dịch với bên liên quan

1. Khi thực hiện bỏ phiếu quyết định thực hiện các giao dịch có liên quan, các thành viên Hội đồng quản trị/ Ban Tổng Giám đốc/ Ban Kiểm soát có liên quan đến các giao dịch đó sẽ không được tham gia bỏ phiếu.
2. Trường hợp thành viên dự họp là người có liên quan, không có quyền biểu quyết thì nghị quyết của Hội đồng về vấn đề đó được thông qua khi có đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan thông qua.
3. Các hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được sự chấp thuận theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật liên quan.

CHƯƠNG XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 72: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 73: Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm XXII chương, 73 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng nhất trí thông qua ngày 30 tháng 10 năm 2017 và toàn văn của Điều lệ này bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Điều lệ được lập thành năm (05) bản bằng tiếng Việt và hai (02) bản bằng tiếng Anh có giá trị như nhau.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Ký tại thành phố Hồ Chí Minh, ngày __ tháng __ năm_____.

Chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Ông Albert Kwang-Chin Ting

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH

1. Thông tin doanh nghiệp

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG
- Tên tiếng Anh: PHU HUNG SECURITIES CORPORATION
- Tên viết tắt: PHS
- Trụ sở chính: Tầng 3, CR3-03A, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, TP Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84-28) 5413 5479 Fax: (84-28) 5413 5472
- Website: www.phs.vn
- Căn cứ pháp lý:
 - Giấy phép thành lập và hoạt động số 122/GP-UBCK ngày 20/01/2016 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp
 - Các giấy phép sửa đổi và bổ sung cho Giấy phép số 122/GP-UBCK ngày 20/01/2016 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp
- Mã số thuế: 0313642887
- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:
 - Môi giới chứng khoán;
 - Tự doanh chứng khoán;
 - Tư vấn đầu tư chứng khoán;
 - Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Albert Kwang Chin Ting – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Tổng giám đốc: Ông Chen Chia Ken
- Các chi nhánh và phòng giao dịch:

Chi nhánh Quận 3

Địa chỉ : Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại : (84-28) 3820 8068

Fax : (84-28) 3820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Địa chỉ : Tầng trệt, Phòng G.4A, Tòa nhà Etown 2, Số 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại : (84-28) 3813 2401

Fax : (84-28) 3813 2415

Phòng Giao dịch Phú Mỹ Hưng



Địa chỉ : Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại : (84-28) 5413 5478

Fax : (84-28) 5413 5473

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ : Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm,
Hà Nội

Số điện thoại : (84-24) 3933 4566

Fax : (84-24) 3933 4820

Chi nhánh Thanh Xuân

Địa chỉ : Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy,
Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Số điện thoại : (84-24) 6250 9999

Fax : (84-24) 6250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Địa chỉ : Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, Số 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hoàng
Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Số điện thoại : (84-225) 384 1810

Fax : (84-225) 384 1801

2. Vốn điều lệ của công ty:

Vốn điều lệ : 320.000.000.000 (Ba trăm hai mươi tỷ) đồng.

Mệnh giá cổ phần : 10.000 (Mười nghìn) đồng.

Số cổ phần hiện tại : 32.000.000 (Ba mươi hai triệu) cổ phần.

3. Tóm tắt quá trình hoạt động và chiến lược dài hạn của doanh nghiệp:

PHS thành lập trên cơ sở hợp nhất giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (Quyết định thành lập số 23/QĐ-UBCK ngày 29/12/2006, gọi là PHS cũ) với Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành (ATSC) theo Quyết định chấp thuận hợp nhất số 1129/QĐ-UBCK ngày 16/12/2015 của UBCK. PHS kế thừa toàn bộ hoạt động của cả hai công ty tham gia hợp nhất, theo đó hoạt động trên nền tảng cơ cấu tổ chức và hệ thống hạ tầng kỹ thuật của PHS cũ trong khi ATSC trở thành một chi nhánh của PHS. Toàn bộ tài sản, vốn của PHS cũ và ATSC tại ngày trở thành công ty PHS theo số giấy phép 122/GP-UBCK ngày 20/01/2016 được chuyển giao cho PHS với số vốn điều lệ là 202.585.070.000 VNĐ. Để mở rộng hoạt động kinh doanh, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ lên 320.000.000.000 VNĐ thông qua phương án phát hành riêng lẻ và được ghi nhận tại Quyết định điều chỉnh số 23/GPĐC-UBCK ngày 25/07/2016 của UBCK.

Tại ngày 30/06/2017 tài sản và vốn của PHS được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam và thể hiện tại bảng cân đối kế toán dưới đây:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Tại thời điểm 30/06/2017
A	TÀI SẢN	897.796.679.595
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	882.578.853.083
1	Tiền và tương đương tiền	92.810.187.538
2	Tài sản tài chính	770.806.844.765
3	Phải thu ngắn hạn	16.713.548.474
4	Tài sản ngắn hạn khác	2.248.272.306
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	15.217.826.512
1	Tài sản cố định	7.913.242.416
2	Tài sản dài hạn khác	7.304.584.096
B	NGUỒN VỐN	897.796.706.595
I	NỢ	579.150.753.948
1	Nợ ngắn hạn	578.453.487.983
a	Vay ngắn hạn	444.204.795.418
b	Phải trả người bán	74.679.861
c	Người mua trả tiền trước	78.012.000
d	Doanh thu chưa thực hiện	154.545.453
e	Thuế và các khoản phải trả nhà nước	1.327.029.978
f	Phải trả nhân viên	3.679.000
g	Chi phí phải trả	6.380.396.143
h	Các khoản phải trả khác	428.695.641
i	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	372.585.573
j	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	125.429.068.916
2	Nợ dài hạn	697.265.965
a	Ký quỹ, ký cược dài hạn	304.878.465
b	Dự phòng phải trả dài hạn	392.387.500
II	VỐN CHỦ SỞ HỮU	318.645.952.647
	Vốn chủ sở hữu	318.645.952.647

Với kinh nghiệm 9 năm hoạt động trên thị trường chứng khoán Việt Nam cùng với gần 7 năm hoạt động của ATSC, PHS có cơ sở khách hàng ổn định và nguồn lực kinh doanh vững

chắc. Thêm vào đó, sau hơn một năm hợp nhất giữa PHS cũ và ATSC, sự kết hợp này đang dần có những bước tiến bộ đáng kể. Đặc biệt với việc trang bị đổi mới hệ thống công nghệ thông tin liên tục, PHS hiện đang trong danh sách các công ty chứng khoán hàng đầu có hệ thống vận hành kết hợp với công nghệ thông tin tiên tiến và đáp ứng các yêu cầu khắt khe của khách hàng. Qua quá trình phát triển đủ dài với những thăng trầm của thị trường chứng khoán Việt Nam thì PHS đã đúc kết được những kinh nghiệm quý báu, đưa ra chiến lược kinh doanh phù hợp với đặc điểm riêng của PHS trên thị trường. Mục tiêu phát triển của PHS là trở thành công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam và có một mục tiêu dài hạn hơn là sẽ trở thành một trong mười công ty chứng khoán lớn nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ

1. Căn cứ pháp lý:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, có hiệu lực 01/07/2015;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính Phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP;
- Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán;
- Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 03/02/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán
- Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Điều lệ hoạt động Công ty Cổ phần chứng khoán Phú Hưng.

2. Sự cần thiết phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn:

Thị trường chứng khoán Việt Nam có sự bứt phá mạnh mẽ ngay từ đầu năm 2017 với những diễn biến tích cực. Theo thống kê từ Ủy ban chứng khoán nhà nước (UBCK), tính đến ngày 31 tháng 08 năm 2017, mức vốn hóa thị trường đạt 2.640 nghìn tỷ đồng, tăng 35,46% so với cuối năm 2016, tương đương 62,94% GDP. Quy mô giao dịch cổ phiếu bình quân phiên đạt hơn 4.554 tỷ đồng, tăng 49,85% so với năm trước. Cùng với chính sách đồng bộ và quyết liệt từ chính phủ, các bộ, ngành phát đi thông điệp đầy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn và đưa cổ phiếu lên giao dịch trên thị trường chứng khoán. Như vậy, quy mô thị trường sẽ tăng trưởng bền vững trong thời gian tới. Với xu hướng tăng trưởng chung của thị trường, quy mô vốn hóa ngày càng lớn nên PHS cần tăng vốn đáp ứng đủ nhu cầu vốn cho hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán, nhu cầu vay margin của khách hàng.

Mặt khác, với định hướng đẩy mạnh phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam một cách bền vững, song song với việc ban hành các công cụ kiểm soát thị trường, UBCK cũng đã sử dụng công cụ tạo thêm hàng hóa cho thị trường, tạo sức hút của thị trường bằng việc triển khai thực hiện kinh doanh chứng khoán phái sinh. Chứng khoán phái sinh được xem là một công cụ kinh doanh của các công ty chứng khoán để giữ chân và thu hút các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Tuy nhiên, để được kinh doanh chứng khoán phái sinh các công ty chứng khoán phải được Ủy ban chứng khoán cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh nếu đáp ứng được các điều kiện tiên quyết quy định tại Nghị định số 42/2015/NĐ-CP ngày 05/05/2015 của Chính phủ. Theo đó, để được kinh doanh dịch vụ giao dịch chứng khoán phái sinh, vốn điều lệ của công ty chứng khoán phải đạt đến mức 800 (tám trăm) tỷ đồng. Vì vậy, theo lộ trình tăng vốn, PHS sẽ cần phát hành tăng vốn để đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh hiện tại và sẽ tiếp tục tăng vốn trong thời gian tới để có thể đáp ứng được nhu cầu phục vụ khách hàng trong việc kinh doanh chứng khoán phái sinh.

Chính vì vậy, việc tiếp tục huy động vốn, trong đó có việc phát hành riêng lẻ để bổ sung vốn cho Công ty là rất cần thiết. Chính vì vậy, Hội đồng quản trị Công ty thấy rằng việc phát hành cổ phiếu theo phương thức chào bán riêng lẻ để tăng vốn điều lệ từ 320 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng là cần thiết cho hoạt động kinh doanh hiện tại cũng như kế hoạch phát triển lâu dài của công ty.

3. Phương thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ:

- ✦ PHS là một công ty đại chúng với 241 cổ đông chốt tại thời điểm ngày 10/10/2017. Vì vậy,
- ✦ PHS có thể thực hiện việc tăng vốn điều lệ thông qua phương thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ theo đúng các quy định hiện hành.

3.1 Loại cổ phiếu, số lượng cổ phiếu chào bán:

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông, hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán
Mệnh giá cổ phiếu	: 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phần
Số lượng cổ phiếu chào bán	: 18.000.000 (Mười tám triệu) cổ phần
Giá cổ phiếu phát hành thấp nhất dự kiến	: 10.000 đồng/cổ phần
Giá cổ phiếu phát hành cao nhất dự kiến	: 10.000 đồng/cổ phần
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	: 180.000.000.000 (một trăm tám mươi tỷ) đồng.
Tổng số tiền dự kiến thu được	: 180.000.000.000 (Một trăm tám mươi tỷ) đồng.
Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành	: 500.000.000.000 (Năm trăm tỷ) đồng.

Tổng số cổ phiếu dự kiến sau : 50.000.000 (Năm mươi triệu) cổ phần phát hành

Thời hạn phân phối : Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty được chào bán riêng lẻ và tăng vốn điều lệ

Số lượng nhà đầu tư tham gia : Đảm bảo dưới 100 nhà đầu tư theo quy định

3.2 Phương thức phát hành:

Chào bán riêng lẻ đến các nhà đầu tư

3.3 Phương thức tính giá chào bán dự kiến:

Giá của một cổ phiếu căn cứ vào tình hình tài chính hiện tại của doanh nghiệp, khả năng sinh lời của cổ phiếu trong tương lai. Việc xác định giá chào bán riêng lẻ căn cứ vào việc định giá cổ phiếu của PHS.

Thông thường, có nhiều phương pháp định giá khác nhau được sử dụng cho việc định giá doanh nghiệp, định giá cổ phần như: Phương pháp tài sản (NAV); Phương pháp giá trị sổ sách; Phương pháp chiết khấu dòng tiền (DCF); Phương pháp so sánh (phương pháp P/E, phương pháp P/B). Ngoài ra, còn một số phương pháp khác định giá dựa trên khái niệm giá trị kinh tế gia tăng như EVA (Economic Value Added).

Tuy nhiên, xét theo tình hình thực tế và căn cứ theo báo cáo tài chính kiểm toán của PHS tại thời điểm 30/06/2017, giá trị cổ phiếu của PHS sẽ được định giá để xác định giá khởi điểm bán cổ phần của theo các phương pháp sau:

- Mô hình dòng tiền vốn chủ sở hữu (FCFE)
- Mô hình dòng tiền của Công ty (FCFF);
- Phương pháp P/B;
- Phương pháp P/E

Với những phương pháp định giá nêu trên, giá cổ phiếu của PHS được định giá với giá trị VND 10.023/cổ phiếu (Theo Phụ lục 1: Báo cáo định giá cổ phiếu PHS đính kèm)

Để tăng tính hấp dẫn cho việc đầu tư cổ phiếu đối với các nhà đầu tư, Hội đồng quản trị công ty đề nghị mức giá khởi điểm chào bán cho đợt phát hành riêng lẻ là 10.000 (mười ngàn) đồng/cổ phần.

4. Tiêu chí lựa chọn đối tượng chào bán:

Tiêu chí lựa chọn đối tượng được chào bán cổ phiếu riêng lẻ là các tổ chức, cá nhân đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- Là các tổ chức, cá nhân có tiềm lực tài chính;
- Là khách hàng hoặc các nhà cung cấp của PHS;
- Có mức giá chào mua phù hợp với phương án chào bán.

Đối tượng được chào bán là các nhà đầu tư mới, các cổ đông hiện hữu, người có liên quan thỏa mãn các tiêu chí trên.

Đồng thời, nhà đầu tư tham gia trở thành cổ đông của PHS phải đáp ứng các điều kiện sau:

- (1) Các nhà đầu tư và PHS không phải là các công ty con của cùng một công ty mẹ và PHS không phải là công ty mẹ của các nhà đầu tư (Điều 4.1.d Nghị định 58/2012/NĐ-CP)
- (2) Các nhà đầu tư sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của PHS và người có liên quan của nhà đầu tư (nếu có) không được sở hữu trên 5% vốn điều lệ tại một công ty chứng khoán khác (Điều 71.7.c Nghị định 58/2012/NĐ-CP)
- (3) Các nhà đầu tư được chào bán có bản cam kết thực hiện mua hết số lượng cổ phiếu đã đăng ký

Việc lựa chọn danh sách nhà đầu tư mua cổ phiếu phát hành riêng lẻ sẽ dựa trên tiêu chí nêu tại phương án chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và tuân thủ qui định của pháp luật và điều lệ Công ty.

Việc lựa chọn đối tượng cụ thể chào bán cổ phiếu riêng lẻ sẽ đảm bảo số lượng chào bán dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông công ty sau khi mua cổ phần chào bán riêng lẻ phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Cổ phiếu phát hành sẽ được phân phối trực tiếp cho các nhà đầu tư theo danh sách được phê duyệt..

5. Các hạn chế đối với nhà đầu tư nước ngoài:

Công ty cổ phần chứng khoán Phú Hưng đã được Ủy ban chứng khoán chấp thuận tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài lên đến 100%. Tuy nhiên, tỷ lệ sở hữu của từng nhà đầu tư nước ngoài sẽ bị ràng buộc theo quy định tại Điều 1.21 Nghị định 60/2015/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- (1) Nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 10 Điều này thì được mua để sở hữu đến 100% vốn điều lệ của tổ chức kinh doanh chứng khoán; được thành lập tổ chức kinh doanh chứng khoán 100% vốn nước ngoài.
- (2) Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức không đáp ứng quy định tại Khoản 10 Điều này hoặc là cá nhân thì chỉ được sở hữu dưới 51% vốn điều lệ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

6. Các loại thuế có liên quan:

Do đây là phương án phát hành cổ phần riêng lẻ để tăng vốn điều lệ nên không phát sinh bất kỳ nghĩa vụ thuế nào cho tổ chức phát hành.

7. Thời gian dự kiến phát hành :

Thời gian dự kiến thực hiện phát hành cổ phiếu và tăng vốn điều lệ theo các mốc dưới đây:

STT	Loại công việc	Thời gian
01	Nộp hồ sơ đề nghị UBCKNN phê duyệt phát hành riêng lẻ và đề nghị tăng vốn điều lệ	03/11/2017
02	Phê duyệt của UBCKNN	24/11/2017
03	Thực hiện phát hành riêng lẻ	27 – 29/11/2017
04	Báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN và làm thủ tục tăng vốn điều lệ cho PHS theo quy định	30/11 – 28/12/2017

8. Báo cáo kết quả phát hành tăng vốn điều lệ:

PHS sẽ tiến hành thực hiện báo cáo kết quả đợt phát hành cho UBCK trong vòng 10 ngày sau khi kết thúc đợt phát hành.

PHẦN III: PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán là 180.000.000.000 (Một trăm tám mươi tỷ) đồng sẽ được sử dụng vào các mục đích sau:

- (1) Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh;
- (2) Bổ sung vốn cho hoạt động cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán;
- (3) Bổ sung vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán;
- (4) Bổ sung vốn thực hiện nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Việc sử dụng vốn phát hành để kinh doanh của PHS đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành có liên quan.

PHẦN IV: KẾT LUẬN

Việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ là cần thiết để tăng vốn điều lệ giai đoạn hiện nay lên 500 (năm trăm) tỷ đồng, đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh của công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2017

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

CHỦ TỊCH



ALBERT KWANG-CHIN TING

PHỤ LỤC 1: BÁO CÁO ĐỊNH GIÁ CỔ PHIẾU PHS

(Đính kèm Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ Công ty cổ phần chứng khoán Phú Hưng)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH

1. Thông tin doanh nghiệp

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG
- Tên tiếng Anh: PHU HUNG SECURITIES CORPORATION
- Tên viết tắt: PHS
- Trụ sở chính: Tầng 3, CR3-03A, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, TP Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84-28) 5413 5479 Fax: (84-28) 5413 5472
- Website: www.phs.vn
- Căn cứ pháp lý:
 - Giấy phép thành lập và hoạt động số 122/GP-UBCK ngày 20/01/2016 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp
 - Các giấy phép sửa đổi và bổ sung giấy phép số 122/GP-UBCK ngày 20/01/2016 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp
- Mã số thuế: 0313642887
- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:
 - Môi giới chứng khoán;
 - Tự doanh chứng khoán;
 - Tư vấn đầu tư chứng khoán;
 - Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Albert Kwang Chin Ting – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Tổng giám đốc: Ông Chen Chia Ken
- Các chi nhánh và phòng giao dịch:

Chi nhánh Quận 3

Địa chỉ : Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại : (84-28) 3 820 8068

Fax : (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Địa chỉ : Tầng trệt, Phòng G.4A, Tòa nhà Etown 2, Số 364 Cộng Hòa,
Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại : (84-28) 3813 2401

Fax : (84-28) 3813 2415

Phòng Giao dịch Phú Mỹ Hưng

Địa chỉ : Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại : (84-28) 5 413 5478

Fax : (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ : Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm,
Hà Nội

Số điện thoại : (84-24) 3 933 4566

Fax : (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Thanh Xuân

Địa chỉ : Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy,
Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Số điện thoại : (84-24) 6250 9999

Fax : (84-24) 6250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Địa chỉ : Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, Số 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hoàng
Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Số điện thoại : (84-225) 384 1810

Fax : (84-225) 384 1801

2. Vốn điều lệ của công ty:

Vốn điều lệ : 320.000.000.000 (Ba trăm hai mươi tỷ) đồng.

Mệnh giá cổ phần : 10.000 (Mười nghìn) đồng

Số cổ phần hiện tại : 32.000.000 (Ba mươi hai triệu) cổ phần.

II. ĐỊNH GIÁ CỔ PHẦN:

Giá của một cổ phiếu căn cứ vào tình hình tài chính hiện tại của doanh nghiệp, khả năng sinh lời của cổ phiếu trong tương lai. Việc xác định giá chào bán riêng lẻ căn cứ vào việc định giá cổ phiếu của PHS.

Thông thường, có nhiều phương pháp định giá khác nhau được sử dụng cho việc định giá doanh nghiệp, định giá cổ phần như: Phương pháp tài sản (NAV); Phương pháp giá trị sổ sách; Phương pháp chiết khấu dòng tiền (DCF); Phương pháp so sánh (phương pháp P/E, phương pháp P/B). Ngoài ra, còn một số phương pháp khác định giá dựa trên khái niệm giá trị kinh tế gia tăng như EVA (Economic Value Added).

Tuy nhiên, xét theo tình hình thực tế và báo cáo tài chính kiểm toán của PHS tại ngày 30/06/2017, giá trị cổ phiếu của PHS sẽ được định giá để xác định giá khởi điểm bán cổ phần của theo các phương pháp sau:

- Phương pháp so sánh:
 - So sánh theo chỉ số P/B
 - So sánh theo chỉ số P/E
- Phương pháp chiết khấu dòng tiền (DCF)
 - Phương pháp dòng tiền vốn chủ sở hữu (FCFE)
 - Phương pháp dòng tiền thuần của công ty (FCFF)

1. Các giả định trong tính toán:

1.1 Về thị trường:

Theo một nhận định từ BSC, quy mô thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ tiếp tục mở rộng, với kỳ vọng đạt 80% GDP vào năm 2020 (khoảng 200 tỷ USD). Kỳ vọng này hoàn toàn có thể đạt được, nguyên nhân là do:

- Nhà nước đang đi vào giai đoạn cuối của quá trình cổ phần hóa các công ty nhà nước. Trong số này có những doanh nghiệp quy mô lớn như công ty con của Tập đoàn Dầu khí có tổng giá trị vốn chủ sở hữu gần 90.000 tỉ đồng; một doanh nghiệp thành viên của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) có giá trị vốn chủ sở hữu khoảng 24.000 tỉ đồng. Những doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hóa 90 ngày kể từ khi có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là công ty cổ phần, phải đăng ký lên sàn UPCOM để công khai, minh bạch thông tin, và sẽ phải niêm yết sau 1 năm cổ phần hóa.

Hơn nữa, đến hết quý 2-2017, Chính phủ đã bán phần vốn Nhà nước không cần nắm giữ tại 22 doanh nghiệp với tổng giá trị theo sổ sách là 666,8 tỉ đồng (bằng 76,5% so với cùng kỳ năm 2016), thu về 11.589,3 tỉ đồng (bằng 314,11% so với cùng kỳ năm

2016). Thị trường chứng khoán, nhờ vào thoái vốn nhà nước, được hưởng lợi từ một lượng lớn chứng khoán và cổ phiếu.

- Thêm vào đó, nhiều công ty đại chúng chưa niêm yết hay đăng ký giao dịch và hoạt động niêm yết của khối doanh nghiệp tư nhân đang được đẩy mạnh dần lên do nhu cầu phát triển của doanh nghiệp cần huy động thêm vốn, mà việc huy động vốn từ thị trường chứng khoán được xem là một kênh huy động hữu hiệu dài hạn.

⇒ Do vậy mức tăng trưởng vốn hóa của thị trường được kỳ vọng ở mức 20% trong vài năm tiếp theo.

1.2 Về doanh thu:

- Giả sử các mảng doanh thu phụ như lãi từ TSTC ghi nhận theo FVTPL, doanh thu từ nghiệp vụ lưu ký, doanh thu từ nghiệp vụ tư vấn sẽ tăng trưởng gần bằng GDP của Việt Nam ở mức 6%/năm,
- Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) tăng nhẹ 2% do giữ lượng tiền mặt trong công ty sẽ không cao
- Doanh thu từ các khoản cho vay và phải thu sẽ giảm dần qua các năm do tỉ lệ đòn bẩy tăng dần, hiện tại cấu trúc tài chính của các công ty chứng khoán đang niêm yết là Nợ/Vốn chủ sở hữu trong khoảng 1,2 – 2 (doanh thu được tính theo % của doanh thu phí Môi giới)
- Doanh thu từ nghiệp vụ môi giới chứng khoán sẽ tăng trưởng theo tốc độ tăng trưởng vốn hóa của thị trường chứng khoán Việt Nam. Trước 2018, công ty sẽ tăng gấp đôi thị phần môi giới từ 1% lên 2%. Dựa theo giả định này, tăng trưởng doanh thu môi giới 2017 và 2018 lần lượt là 50% và 33%.

1.3 Tài sản cố định:

Giả định Công ty chưa có nhu cầu đầu tư mới tài sản trong những năm tiếp theo.

1.4 Giả định khác:

- Biên lợi nhuận sẽ được cải thiện tăng từ 57% lên 60%
- Chi phí quản lý giảm dần từ 34% còn 25% trong vòng 5 năm 2017 – 2021

2. Kết quả dự phóng:

Bảng 1: Doanh thu dự kiến qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

	2016A	2017F	2018F	2019F	2020F	2021F
Lãi từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	101,72	107,82	114,29	121,15	128,42	136,12
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.255,40	7.400,51	7.548,52	7.699,49	7.853,48	8.010,55
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	63.635,60	132.018,71	176.035,10	191.495,57	189.923,96	204.509,44
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	32.722,59	67.701,90	103.550,06	112.644,45	121.746,13	127.818,40
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	574,56	609,03	645,57	684,31	725,37	768,89
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	167,13	167,13	177,16	187,79	199,05	211,00
Thu nhập hoạt động khác	681,01	721,87	765,18	811,09	859,76	911,35
DOANH THU THUẬN	105.138,01	208.726,97	288.835,88	313.643,86	321.436,16	342.365,75

Bảng 2: Dự báo kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

	2016A	2017F	2018F	2019F	2020F	2021F
Doanh thu	105.138	208.727	288.836	313.644	321.436	342.366
Chi phí hoạt động	45.210	83.491	115.534	122.321	125.360	133.523
Lợi nhuận gộp	59.928	125.236	173.302	191.323	196.076	208.843
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	35.943	60.531	80.874	84.684	86.788	89.015

Lợi nhuận hoạt động	23.985	64.705	92.427	106.639	109.288	119.828
Thu nhập tài chính	401	1.461	2.311	2.509	2.893	3.081
Chi phí tài chính	32.418	54.269	75.097	78.411	80.359	82.168
<i>Chi phí lãi vay</i>	29.157	33.750	37.189	43.599	38.423	34.909
Lợi nhuận khác	852	3.131	4.910	5.332	6.107	6.505
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(7.179)	15.028	24.551	36.069	37.929	47.246
Chi phí Thuế TNDN hiện hành	0	0	4.910	7.214	7.586	9.449
Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	0	0	0	0	0	0
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(7.179)	15.028	19.641	28.855	30.344	37.797
Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	(7.179)	15.028	19.641	28.855	30.344	37.797
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)		300,57	392,82	577,11	606,88	755,95

Bảng 3: Bảng cân đối kế toán dự phóng

Đơn vị tính: triệu đồng

	2016A	2017F	2018F	2019F	2020F	2021F
Tài sản ngắn hạn						
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	92.810	166.982	231.069	219.551	225.005	273.893
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	3.468	3.468	3.468	3.468	3.468	3.468
3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000

4. Các khoản cho vay	689.025	792.112	1.056.211	1.053.226	1.044.582	1.022.547
5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	-	-	-
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	(1.685)	-	-	-	-	-
7. Phải thu khách hàng	26.412	26.412	26.412	26.412	26.412	26.412
<i>Dự phòng khoản phải thu khách hàng</i>	(9.698)	(9.698)	(9.698)	(9.698)	(9.698)	(9.698)
8. Tài sản ngắn hạn khác	2.248	4.463	6.176	6.707	6.874	7.321
Tổng tài sản ngắn hạn	882.579	1.063.738	1.393.637	1.379.664	1.376.642	1.403.942
Tài sản dài hạn						
1. Tài sản cố định hữu hình	2.817	1.094	1.094	1.094	1.094	1.094
<i>Nguyên giá</i>	26.607	24.686	24.686	24.686	24.686	24.686
<i>Khấu hao lũy kế</i>	(23.790)	(23.592)	(23.592)	(23.592)	(23.592)	(23.592)
2. Tài sản cố định vô hình	5.096	5.678	5.678	5.678	5.678	5.678
<i>Nguyên giá</i>	11.925	11.925	11.925	11.925	11.925	11.925
<i>Khấu hao lũy kế</i>	(6.829)	(6.247)	(6.247)	(6.247)	(6.247)	(6.247)
3. Tài sản dài hạn khác	7.305	14.502	20.067	21.791	22.332	23.786
Tổng tài sản dài hạn	15.218	21.274	26.839	28.563	29.104	30.558
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	897.797	1.085.012	1.420.476	1.408.227	1.405.746	1.434.500
Nợ ngắn hạn						
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	444.205	305.795	520.624	448.244	405.596	370.167

2. Phải trả người bán	125.582	249.313	344.999	374.631	383.938	408.938
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.327	1.327	1.327	1.327	1.327	1.327
4. Quỹ khen thưởng phúc lợi	373	373	373	373	373	373
5. Tài sản ngắn hạn khác	6.967	13.832	19.141	20.785	21.301	22.688
Tổng nợ ngắn hạn	578.453	570.640	886.464	845.360	812.535	803.492
Nợ dài hạn						
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
2. Tài sản dài hạn khác	697	697	697	697	697	697
Tổng nợ dài hạn	697	697	697	697	697	697
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ	579.151	571.338	887.161	846.057	813.232	804.189
Vốn chủ sở hữu						
1. Vốn góp của chủ sở hữu	320.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000
2. Lợi nhuận giữ lại	(1.353)	13.675	33.316	62.172	92.515	130.312
3. Cổ phiếu quỹ	(1)	(1)	(1)	(1)	(1)	(1)
TỔNG CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	318.646	513.674	533.315	562.170	592.514	630.311
NGUỒN VỐN	897.797	1.085.012	1.420.476	1.408.227	1.405.746	1.434.500

3. Kết quả định giá:

3.1 Phương pháp so sánh:

3.1.1 P/B và P/E bình quân ngành:

Chúng tôi lựa chọn các doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực kinh doanh chứng khoán hiện đang niêm yết trên sàn HNX và HOSE để tính toán giá trị P/B và P/E bình quân ngành, cụ thể như sau:

STT	Mã CK	Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	Lợi nhuận 4 Quý gần nhất (triệu đồng)	Số CP đang lưu hành	Giá cổ phiếu bình quân 30 phiên gần nhất	P/E	P/B
1	SSI	8.803.593	1.051.703	489.845.250	25.072	11,68	1,40
2	HCM	2.477.993	389.249	129.575.385	40.018	13,32	2,09
3	VND	2.230.597	418.144	144.997.965	22.194	7,70	1,44
4	MBS	1.334.456	18.296	122.123.002	12.430	82,97	1,14
5	BVS	1.624.201	107.224	72.218.737	20.513	13,82	0,91
6	IVS	342.724	342	24.150.000	10.840	765,87	0,76
BÌNH QUÂN NGÀNH						13,57	1,27

Do cổ phiếu của PHS chưa niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán nên giá bán sẽ được chiết khấu 10% so với thị trường thông qua việc điều chỉnh giảm chỉ số P/E và P/B bình quân của thị trường.

Vì vậy, chỉ số P/B và P/E sau điều chỉnh có kết quả như sau:

- P/B sau điều chỉnh = 1,14 lần
- P/E sau điều chỉnh = 12,21 lần

3.1.2 So sánh chỉ số P/B:

- Căn cứ chỉ số P/B bình quân ngành sau điều chỉnh
- Căn cứ giá trị sổ sách của PHS tại thời điểm 30/06/2017, trong đó:

Giá trị sổ sách của PHS tại thời điểm 30/06/2017 được xác định như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số cổ phần lưu hành}} = \frac{318.645.952.647}{32.000.000 - 490} = 9.958$$

⇒ Giá trị cổ phần theo Phương pháp so sánh chỉ số P/B được xác định như sau:

$$\text{Giá cổ phiếu} = \text{Giá trị sổ sách} * \text{P/B sau điều chỉnh} = 9.958 * 1,14 = 11.348 \text{ đồng/cổ phần}$$

3.1.3 So sánh chỉ số P/E:

- Căn cứ chỉ số P/E bình quân ngành sau điều chỉnh
 - Căn cứ kế hoạch kinh doanh của PHS năm 2017
- ⇒ Giá trị cổ phần theo Phương pháp so sánh chỉ số P/E được xác định như sau:

$$\text{Giá cổ phiếu} = \text{EPS} * \text{P/E sau điều chỉnh} = 300,71 * 12,21 = 3.671 \text{ đồng/cổ phần}$$

3.2 Phương pháp chiết khấu dòng tiền:

3.2.1 Các giả định trong phương pháp chiết khấu dòng tiền:

Bảng 4: Chi phí vốn chủ sở hữu

Rf	5,65%
Rm – Rf	12,00%
Beta	0,60
Chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu	12,82%

Trong đó:

- Rf được lấy theo lãi suất trúng thầu gần nhất của Trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm
- Beta được tính dựa theo công thức bên dưới:
$$\text{Beta (có đòn bẩy)} = \text{beta (không đòn bẩy)} * (1 + (1 - \text{thuế suất}) * \text{tỷ lệ Nợ/VCSH})$$
 - Beta không có đòn bẩy: trung bình beta của SSI, HCM và VND (dựa trên dữ liệu giao dịch 3 năm của những cổ phiếu này)
 - Thuế suất: 20%
 - Tỷ lệ Nợ / Vốn chủ sở hữu tại ngày 30/06/2017 = 1,8
- Chi phí vốn được tính dựa trên Mô hình CAPM = $R_f + (R_m - R_f) * \text{Beta}$

Bảng 5: Chi phí sử dụng vốn

	Chi phí sử dụng	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng
Nợ vay	7,50%	444.204.795.418	47%
Vốn chủ sở hữu	12,82%	500.000.000.000	53%
Chi phí sử dụng vốn	9,6%		
Tỷ lệ phát triển trong tương lai	3,5%		

3.2.2 Phương pháp dòng tiền vốn chủ sở hữu

	2017	2018	2019	2020	2021
Lợi nhuận sau thuế	15.028.342.063	19.640.840.026	28.855.234.742	30.343.573.744	37.797.178.872
Thay đổi nợ vay	(138.409.302.967)	214.828.848.664	(72.379.909.471)	(42.648.710.750)	(35.429.015.629)
Chi phí khấu hao	-	-	-	-	-
Thay đổi vốn lưu động	27.508.513.613	(163.103.852.380)	34.260.724.152	18.467.761.920	48.420.789.286
Chi tiêu đầu tư	-	-	-	-	-
Dòng tiền vốn chủ sở hữu (FCFE)	(95.872.447.291)	71.365.836.310	(9.263.950.577)	6.162.624.914	50.788.952.529
Giá trị hiện tại của dòng tiền FCFE	(84.981.636.921)	56.072.886.985	(6.451.936.220)	3.804.440.972	27.792.374.262
Giá trị hiện tại tích lũy FCFE	(3.763.870.922)				
Dòng tiền dài hạn					564.292.211.547
Giá trị hiện tại của dòng tiền dài hạn	308,788,024,869				
Giá trị hiện tại dành cho chủ sở hữu	305.024.153.947				
Giá trị một cổ phần	6.101				

3.2.3 Phương pháp dòng tiền thuần của công ty (FCFF)

	2017	2018	2019	2020	2021
Lợi nhuận sau thuế	15.028.342.063	19.640.840.026	28.855.234.742	30.343.573.744	37.797.178.872
Chi phí khấu hao					
Lãi vay sau thuế	27.000.010.363	29.751.114.008	34.879.275.819	30.738.245.491	27.927.447.342
Thay đổi vốn lưu động	27.508.513.613	(163.103.852.380)	34.260.724.152	18.467.761.920	48.420.789.286

Chi tiêu đầu tư						
Dòng tiền của doanh nghiệp (FCFF)	69.536.866.039	(113.711.898.346)	97.995.234.713	79.549.581.156	114.145.415.499	
Giá trị hiện tại của dòng tiền FCFF	63.440.769.749	(94.648.246.045)	74.415.764.566	55.112.640.412	72.148.137.536	
Giá trị hiện tại tích lũy FCFF	170.469.066.217					
Dòng tiền dài hạn					1.933.840.042.260	
Giá trị hiện tại của dòng tiền dài hạn	1.222.326.422.232					
Giá trị hiện tại của Công ty	1.392.795.488.450					
Nợ phải trả	444.204.795.418					
Giá trị hiện tại dành cho chủ sở hữu	948.590.693.032					
Giá trị một cổ phần	18.972					

III. KẾT LUẬN

Giá cổ phần được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo trọng số của 4 phương pháp trên. Trên cơ sở đó, giá cổ phần trung bình được xác định như sau:

Phương pháp định giá	Giá mục tiêu	Tỷ trọng
Mô hình dòng tiền vốn chủ sở hữu (FCFE)	6.101	25%
Mô hình dòng tiền thuần của công ty FCFF	18.972	25%
So sánh chỉ số P/B	11.348	25%
So sánh chỉ số P/E	3.671	25%
Giá bình quân	10.023 đồng/cổ phần	